

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.C 05462	Nguyễn Thị Thuý An	08/09/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	4.50	1.75	7.00	13.25	13.50	
2	THV.C 05463	Đỗ Hoài An	10/06/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	602	3.00	0.75	4.00	7.75	8.00	
3	THV.C 05464	Tạ Thị Hoài An	11/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	C68	3.00	2.50	3.00	8.50	8.50	
4	THV.C 05465	Lê Quốc Việt An	01/05/91		Thị xã Phú Thọ		2		5.00	0.25	4.50	9.75	10.00	
5	THV.C 05466	Trần Thị Thuý An	04/07/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	605	4.50	1.75	5.50	11.75	12.00	
6	THV.C 05467	Nguyễn Thị Hoài An	11/09/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1		5.50	3.50	5.25	14.25	14.50	
7	THV.C 05470	Trần Thị Lan Anh	10/05/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		2.25	0.50	3.75	6.50	6.50	
8	THV.C 05473	Lê Thị Quỳnh Anh	03/10/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	602	3.50	0.00	1.00	4.50	4.50	
9	THV.C 05474	Nguyễn Tuấn Anh	01/11/90		TP. Việt Trì		2	904	1.50	0.50	0.50	2.50	2.50	
10	THV.C 05475	Lê Đức Anh	16/09/90		Thị xã Phú Thọ		2	605	4.50	0.50	3.75	8.75	9.00	
11	THV.C 05476	Bùi Tuấn Anh	02/01/89		Huyện Thanh Ba		1	602	3.00	2.00	3.00	8.00	8.00	
12	THV.C 05477	Nguyễn Thị Kiều Anh	02/11/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	904	5.00	3.50	5.25	13.75	14.00	
13	THV.C 05479	Hà Thị Kim Anh	03/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	602	5.50	1.25	7.00	13.75	14.00	
14	THV.C 05480	Vũ Quỳnh Anh	26/08/91	Nữ	Huyện Thạch Thất		1	904	5.50	3.00	6.25	14.75	15.00	
15	THV.C 05481	Nguyễn Hải Anh	03/11/91		Thị xã Tuyên Quang		1		2.00	0.50	2.75	5.25	5.50	
16	THV.C 05483	Trần Thế Anh	27/06/91		TP. Việt Trì		2	602	5.00	2.25	6.50	13.75	14.00	
17	THV.C 05484	Bùi Thị Lan Anh	10/06/91	Nữ	Huyện Ba Vì	01	2	602	3.50	0.00	5.00	8.50	8.50	
18	THV.C 05485	Nguyễn Thị Vân Anh	30/05/90	Nữ	TP. Việt Trì		2		6.00	3.25	5.75	15.00	15.00	
19	THV.C 05486	Vũ Thị Lan Anh	28/05/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	904	5.50	1.25	6.50	13.25	13.50	
20	THV.C 05488	Nguyễn Thị Kim Anh	26/03/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	904	4.50	1.25	5.25	11.00	11.00	
21	THV.C 05489	Hà Tuấn Anh	04/12/91		Huyện Hạ Hoà		1	602	3.00	0.75	6.00	9.75	10.00	
22	THV.C 05490	Hoàng Thị Kim Anh	03/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	5.00	0.75	6.25	12.00	12.00	
23	THV.C 05491	Nguyễn Thị Phương Anh	28/01/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	602	6.50	2.50	5.25	14.25	14.50	
24	THV.C 05495	Lê Thị Anh	22/01/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		5.00	2.50	5.00	12.50	12.50	
25	THV.C 05497	Vũ Tuấn Anh	09/07/91		Huyện Lập Thạch		1	602	5.00	5.50	8.00	18.50	18.50	
26	THV.C 05498	Nguyễn Thị Kim Anh	03/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		4.50	0.75	2.25	7.50	7.50	
27	THV.C 05500	Lê Thị Vân Anh	16/07/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		3.50	0.75	5.00	9.25	9.50	
28	THV.C 05502	Nguyễn Thị Anh	27/02/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	4.00	1.00	4.75	9.75	10.00	
29	THV.C 05505	Nguyễn Thị ánh Anh	22/09/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	602	4.25	5.00	7.25	16.50	16.50	
30	THV.C 05507	Đình Trần Ngọc ánh Anh	06/04/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	602	4.00	2.50	4.75	11.25	11.50	
31	THV.C 05508	Phạm Ngọc ánh Anh	17/03/91		Huyện Thanh Ba		1		4.50	1.50	5.00	11.00	11.00	
32	THV.C 05510	Nguyễn Thị Ngọc ánh Anh	10/11/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	605	3.00	1.50	5.50	10.00	10.00	
33	THV.C 05511	Nguyễn Thị Ngọc ánh Anh	19/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	602	6.50	6.25	6.50	19.25	19.50	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
34	THV.C05512	Nguyễn ánh	25/09/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	602	5.00	1.25	6.25	12.50	12.50	
35	THV.C05513	Đỗ Thị Ngọc ánh	20/04/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	904	4.50	1.25	6.50	12.25	12.50	
36	THV.C05514	Bùi Ngọc ánh	04/09/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	602	5.00	6.25	5.75	17.00	17.00	
37	THV.C05515	Nguyễn Văn ánh	16/05/89		Thị xã Phú Thọ		2		4.00	5.00	4.25	13.25	13.50	
38	THV.C05517	Đỗ Ngọc ánh	06/10/91	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	605	3.50	0.75	3.75	8.00	8.00	
39	THV.C05518	Lê Quang ánh	20/08/90		Huyện Lập Thạch		1	602	2.50	6.50	5.50	14.50	14.50	
40	THV.C05519	Nguyễn Thị ánh	02/06/90	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	602	6.00	3.50	5.75	15.25	15.50	
41	THV.C05521	Nguyễn Thị Ngọc ánh	21/11/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	605	5.00	0.50	6.25	11.75	12.00	
42	THV.C05522	Trương Văn Ba	31/10/91		Huyện Hạ Hoà		1	605	3.50	4.25	6.25	14.00	14.00	
43	THV.C05523	Nguyễn Văn Bách	10/10/91		Huyện Tam Nông		1	605	5.00	3.75	7.25	16.00	16.00	
44	THV.C05525	Hoàng Văn Bảy	14/06/90		Huyện Lục Yên		1	602	3.50	0.25	2.00	5.75	6.00	
45	THV.C05526	Nguyễn Thị Bảy	03/09/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	4.00	2.50	5.25	11.75	12.00	
46	THV.C05528	Nguyễn Thị Bằng	31/05/90	Nữ	Huyện Lập Thạch	06	1	904	6.50	6.25	7.75	20.50	20.50	
47	THV.C05529	Hà Thị Bằng	15/07/91	Nữ	Huyện ứng Hoà	04	2NT	602	6.00	1.50	7.25	14.75	15.00	
48	THV.C05533	La Văn Biển	10/10/91		Huyện Yên Bình	01	1		2.00	2.50	5.75	10.25	10.50	
49	THV.C05535	Đặng Thị Bích	09/04/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	904	4.00	1.75	3.75	9.50	9.50	
50	THV.C05536	Đỗ Thị Bích	03/02/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	5.00	2.50	4.25	11.75	12.00	
51	THV.C05537	Vàng Thị Bích	15/03/90	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1		6.00	3.50	8.00	17.50	17.50	
52	THV.C05540	Phan Văn Bình	10/06/91		Huyện Phù Ninh		2NT	904	5.50	5.00	7.50	18.00	18.00	
53	THV.C05541	Nguyễn Thị Bình	24/08/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	605	6.00	0.50	2.75	9.25	9.50	
54	THV.C05542	Nguyễn Thị Bình	25/01/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	904	4.00	0.50	5.25	9.75	10.00	
55	THV.C05544	Phạm Thị Bình	23/12/90	Nữ	Quận Mườì		2	605	6.00	3.00	6.00	15.00	15.00	
56	THV.C05545	Đặng Thị Bình	16/11/90	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	602	4.00	2.00	4.75	10.75	11.00	
57	THV.C05546	Bùi Thị Bền	20/11/89	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	904	4.00	0.00	5.00	9.00	9.00	
58	THV.C05547	Hà Gia Bền	17/05/91		Huyện Trấn Yên	01	1		3.50	0.00	1.75	5.25	5.50	
59	THV.C05549	Dương Thị Bưởi	27/12/89	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		5.00	1.50	6.25	12.75	13.00	
60	THV.C05550	Trần Thị Hồng Cẩm	13/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	904	3.00	0.50	5.75	9.25	9.50	
61	THV.C05551	Hà Thị Cẩm	02/10/90	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	602	5.00	2.50	5.25	12.75	13.00	
62	THV.C05554	Bùi Thị Huyền Chang	09/06/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	602	5.50	0.50	7.00	13.00	13.00	
63	THV.C05555	Cao Hồng Chang	27/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	602	6.50	4.25	7.75	18.50	18.50	
64	THV.C05556	Nguyễn Thị Chang	07/12/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	602	4.50	0.50	4.75	9.75	10.00	
65	THV.C05557	Nguyễn Thị Châm	09/07/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	4.50	1.00	7.75	13.25	13.50	
66	THV.C05558	Ngô Thị Châm	22/12/91	Nữ	Thị xã Phúc Yên		2	904	5.00	0.00	4.00	9.00	9.00	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
67	THV.C 05560	Đình Thị Thúy	Châm	23/12/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	C68	3.50	2.00	6.00	11.50	11.50	
68	THV.C 05561	Nguyễn Thị	Châm	25/05/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	4.00	1.00	5.00	10.00	10.00	
69	THV.C 05563	Đặng Thị	Chấu	09/08/88	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	904	5.00	0.50	5.25	10.75	11.00	
70	THV.C 05565	Phạm Thị	Chi	18/09/90	Nữ	Huyện Văn Bàn		2NT	904	2.00	0.00	3.75	5.75	6.00	
71	THV.C 05566	Vũ Thị	Chi	20/01/89	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	602	5.50	5.25	5.25	16.00	16.00	
72	THV.C 05567	Tạ Thị Yến	Chi	20/03/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1		7.00	7.50	8.25	22.75	23.00	
73	THV.C 05573	Nguyễn Thị	Chiêu	09/10/90	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	904	4.50	1.25	2.50	8.25	8.50	
74	THV.C 05574	Lê Duy	Chiến	10/02/90		Huyện Đoan Hùng		1	602	1.50	2.50	3.75	7.75	8.00	
75	THV.C 05575	Lê Xuân	Chiến	01/05/91		Huyện Hạ Hoà	06	1	605	3.50	3.00	5.50	12.00	12.00	
76	THV.C 05576	Vũ Ngọc	Chiến	20/06/91		Huyện Lập Thạch		1	605	3.50	1.50	5.50	10.50	10.50	
77	THV.C 05577	Nguyễn Thị Tuyết	Chinh	27/09/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	602	6.00	2.50	7.25	15.75	16.00	
78	THV.C 05581	Lý Văn	Chính	05/09/89		Huyện Bảo Yên	01	1	605	3.00	1.50	3.50	8.00	8.00	
79	THV.C 05582	Hoàng Thị	Chính	15/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	904	4.50	0.50	5.75	10.75	11.00	
80	THV.C 05583	Lý Văn	Chính	12/01/91		Huyện Lục Yên	01	1	605	2.50	0.50	5.25	8.25	8.50	
81	THV.C 05584	Nguyễn Thị	Chung	09/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	904	4.00	1.00	5.25	10.25	10.50	
82	THV.C 05585	Tạ Thành	Chung	25/01/90		TP. Việt Trì		2	C68	5.50	4.50	7.50	17.50	17.50	
83	THV.C 05586	Nguyễn Thị	Chung	23/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	904	5.00	5.00	7.00	17.00	17.00	
84	THV.C 05589	Phạm Thị	Chuyên	01/09/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	602	3.00	0.00	2.00	5.00	5.00	
85	THV.C 05591	Vương Thị	Chung	07/10/90	Nữ	Huyện Quang Bình	01	1		4.50	0.50	2.50	7.50	7.50	
86	THV.C 05594	Lê Văn	Công	22/07/89		Huyện Đoan Hùng		1	602	4.50	7.50	6.25	18.25	18.50	
87	THV.C 05595	Nguyễn Chí	Công	16/06/90		Huyện Hạ Hoà		1		3.00	3.75	3.50	10.25	10.50	
88	THV.C 05596	Hoàng Thế	Công	27/06/89		Huyện Đoan Hùng		1	C68	1.50	0.00	1.75	3.25	3.50	
89	THV.C 05597	Đình Tiến	Công	16/11/91		Huyện Cẩm Khê		1	602	4.00	3.00	4.25	11.25	11.50	
90	THV.C 05598	Kiều Thị	Công	21/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	904	4.00	2.00	6.00	12.00	12.00	
91	THV.C 05599	Đặng Thế	Công	27/02/89		Huyện Đoan Hùng		1	605	4.50	4.00	4.25	12.75	13.00	
92	THV.C 05601	Phùng Thị	Cúc	05/11/91	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	602	4.50	0.50	3.00	8.00	8.00	
93	THV.C 05605	Lù Thị	Cúc	12/05/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	904	4.00	1.50	4.50	10.00	10.00	
94	THV.C 05606	Hà Thị	Cúc	20/05/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	904	4.50	1.00	4.50	10.00	10.00	
95	THV.C 05607	Nguyễn Thị	Cúc	18/02/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	904	3.00	0.75	2.75	6.50	6.50	
96	THV.C 05608	Đỗ Thị	Cúc	04/09/91	Nữ	Huyện Lục Yên		1	904	5.00	2.00	5.75	12.75	13.00	
97	THV.C 05611	Nguyễn Hoàng	Cương	22/08/88		Huyện Thanh Thủy		1	602	5.50	6.50	5.25	17.25	17.50	
98	THV.C 05614	Nguyễn Duy	Cường	16/07/91		Huyện Lập Thạch		2NT	602	4.00	1.00	4.25	9.25	9.50	
99	THV.C 05615	Sân Sín	Cường	12/01/89		Huyện Quán Bạ	01	1	602	5.50	0.50	3.25	9.25	9.50	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
100	THV.C 05618	Bùi Thị	Diên	21/02/91	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	904	2.50	0.50	3.00	6.00	6.00	
101	THV.C 05620	Nguyễn Thị Hải	Diện	05/01/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		6.00	2.50	6.50	15.00	15.00	
102	THV.C 05621	Nguyễn Thị Thuý	Diệp	14/02/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	605	3.00	2.00	4.00	9.00	9.00	
103	THV.C 05622	Nguyễn Văn	Diệp	16/11/89		Huyện Thạch Thất	01	1	904	2.50	1.25	1.75	5.50	5.50	
104	THV.C 05623	Lâm Huyền	Diệu	09/05/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	605	5.50	0.50	5.25	11.25	11.50	
105	THV.C 05624	Hoàng Thị	Diệu	18/12/90	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	602	6.00	2.50	4.25	12.75	13.00	
106	THV.C 05626	Lý Thị	Dín	27/06/89	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	904	5.50	0.75	5.00	11.25	11.50	
107	THV.C 05627	Đỗ Thị	Dị	11/09/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	602	5.00	2.50	4.50	12.00	12.00	
108	THV.C 05629	Hoàng Thị Thu	Dịu	02/12/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	5.00	1.50	4.00	10.50	10.50	
109	THV.C 05630	Nguyễn Thị	Dịu	21/06/88	Nữ	Huyện Tam Nông		1	602	4.50	2.50	5.75	12.75	13.00	
110	THV.C 05631	Nguyễn Thị	Dịu	15/12/88	Nữ	Huyện Văn Yên		1	602	3.50	2.00	5.75	11.25	11.50	
111	THV.C 05632	Bùi Hồng	Doanh	26/03/91		Huyện Hạ Hoà		1	602	4.50	6.25	5.50	16.25	16.50	
112	THV.C 05633	Đỗ Thị	Doanh	26/10/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	904	5.50	2.00	5.00	12.50	12.50	
113	THV.C 05634	Nguyễn Quang	Doãn	30/12/89		Huyện Trấn Yên	01	1	602	2.00	1.00	2.50	5.50	5.50	
114	THV.C 05636	Hà Văn	Du	29/06/88		Huyện Tân Sơn	01	1	602	3.00	1.00	4.50	8.50	8.50	
115	THV.C 05637	Trần Thị Ngọc	Dung	04/09/91	Nữ	Huyện Mường Khương		1	602	2.50	0.50	5.00	8.00	8.00	
116	THV.C 05638	Nguyễn Thị	Dung	04/11/89	Nữ	Huyện Tam Nông		1	605	5.00	2.50	5.75	13.25	13.50	
117	THV.C 05639	Trịnh Thị	Dung	01/09/90	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	605	3.50	1.00	4.00	8.50	8.50	
118	THV.C 05640	Bùi Kim	Dung	03/01/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	605	5.50	2.25	5.75	13.50	13.50	
119	THV.C 05642	Đinh Thị Kim	Dung	15/02/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1		7.00	3.50	5.25	15.75	16.00	
120	THV.C 05645	Nguyễn Thị Kim	Dung	18/11/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	5.00	1.75	4.75	11.50	11.50	
121	THV.C 05646	Dương Thị	Dung	05/10/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2	904	5.00	0.50	5.50	11.00	11.00	
122	THV.C 05647	Nguyễn Thị	Dung	27/05/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		5.50	1.50	5.50	12.50	12.50	
123	THV.C 05650	Khuất Thị	Dung	23/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	4.50	1.25	5.25	11.00	11.00	
124	THV.C 05651	Kiều Ngọc	Dung	16/10/91	Nữ	Huyện ứng Hoà		2NT	602	6.00	6.25	4.75	17.00	17.00	
125	THV.C 05652	Nguyễn Thị	Dung	27/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	5.00	1.50	5.25	11.75	12.00	
126	THV.C 05653	Quyết Thuý	Dung	08/10/85	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	602	3.50	1.50	5.25	10.25	10.50	
127	THV.C 05655	Trần Thị	Dung	15/07/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT		4.50	1.00	4.50	10.00	10.00	
128	THV.C 05656	Đỗ Thị Kim	Dung	07/01/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	904	4.50	0.75	4.25	9.50	9.50	
129	THV.C 05657	Quản Thị	Dung	06/05/90	Nữ	TP. Việt Trì		2		5.50	4.00	4.75	14.25	14.50	
130	THV.C 05658	Bùi Thị Kim	Dung	05/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		4.50	1.50	4.50	10.50	10.50	
131	THV.C 05660	Nguyễn Thị	Dung	03/03/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	605	5.00	7.25	7.75	20.00	20.00	
132	THV.C 05662	Lê Thị Thanh	Dung	14/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	5.00	1.00	5.00	11.00	11.00	

## THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
133	THV.C 05663	Nguyễn Văn Duy	19/10/91		Huyện Lâm Thao		2NT	605	4.00	0.25	4.75	9.00	9.00	
134	THV.C 05664	Đình Thị Duy	20/08/88	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1		5.00	0.50	4.25	9.75	10.00	
135	THV.C 05666	Lê Tiến Duy	06/05/91		Huyện Cẩm Khê		1	602	3.50	1.00	5.75	10.25	10.50	
136	THV.C 05668	Hà Thị Khánh Duyên	08/03/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	904	4.00	0.00	2.50	6.50	6.50	
137	THV.C 05669	Vũ Thị Duyên	28/01/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	605	5.50	3.00	4.75	13.25	13.50	
138	THV.C 05671	Nguyễn Thị Duyên	21/11/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	4.50	0.50	4.50	9.50	9.50	
139	THV.C 05672	La Thị Duyên	01/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	5.00	4.00	7.25	16.25	16.50	
140	THV.C 05673	Đỗ Thị Duyên	07/08/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	4.00	1.50	6.75	12.25	12.50	
141	THV.C 05674	Lò Thị Dúi	21/07/90	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1	904	4.50	1.75	5.25	11.50	11.50	
142	THV.C 05675	Vũ Ngọc Dũng	23/03/91		Huyện Hạ Hoà		1	904	3.50	1.00	3.75	8.25	8.50	
143	THV.C 05676	Phạm Đình Dũng	10/02/91		Huyện Thanh Thủy		1	602	5.00	1.75	2.75	9.50	9.50	
144	THV.C 05677	Phạm Anh Dũng	15/03/88		Huyện Lập Thạch		1	904	6.00	0.25	5.00	11.25	11.50	
145	THV.C 05679	Nguyễn Văn Dũng	01/09/91		Huyện Tam Nông		1	602	4.00	3.50	2.00	9.50	9.50	
146	THV.C 05681	Lâm Việt Dũng	25/05/91		Huyện Tam Đảo	01	1	904	5.00	1.75	5.00	11.75	12.00	
147	THV.C 05684	Đỗ Thị Ngọc Dương	10/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	602	5.00	1.25	6.00	12.25	12.50	
148	THV.C 05685	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	11/11/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		4.00	0.75	5.50	10.25	10.50	
149	THV.C 05686	Tống Duy Dương	01/09/89		Huyện Thanh Ba		1	602	5.00	3.25	3.75	12.00	12.00	
150	THV.C 05687	Hà Thái Dương	30/07/90		Huyện Yên Lập	01	1	602	2.50	5.50	6.00	14.00	14.00	
151	THV.C 05688	Phùng Thị Thuỳ Dương	02/08/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	602	1.50	0.50	1.75	3.75	4.00	
152	THV.C 05689	Nguyễn Thị Dương	03/03/90	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	4.00	5.50	5.50	15.00	15.00	
153	THV.C 05690	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	10/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	602	7.50	7.00	7.00	21.50	21.50	
154	THV.C 05692	Hoàng Thị Thuỳ Dương	07/11/91	Nữ	Huyện Yên Bình	01	1	904	4.00	0.25	4.25	8.50	8.50	
155	THV.C 05693	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	20/10/91	Nữ	Huyện Tam Nông	06	1	605	2.00	0.25	3.00	5.25	5.50	
156	THV.C 05694	Hà Thuỷ Dương	22/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	3.50	0.25	1.25	5.00	5.00	
157	THV.C 05696	Lương Thị Đào	15/05/90	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	904	5.00	1.25	2.00	8.25	8.50	
158	THV.C 05697	Trần Thị Đào	17/01/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	904	4.50	3.25	6.75	14.50	14.50	
159	THV.C 05698	Chu Thị Đào	04/02/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	5.50	1.75	3.75	11.00	11.00	
160	THV.C 05699	Hà Thị Đào	03/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	904	2.50	0.75	2.25	5.50	5.50	
161	THV.C 05700	Trần Thị Anh Đào	22/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	605	6.00	1.50	6.50	14.00	14.00	
162	THV.C 05702	Đặng Thành Đạt	23/08/91		Huyện Ba Vì	06	2NT	605	6.00	4.50	6.25	16.75	17.00	
163	THV.C 05703	Đào Hải Đăng	19/02/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	602	5.00	1.25	4.00	10.25	10.50	
164	THV.C 05704	Nguyễn Thị Đến	21/12/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	5.50	2.00	5.25	12.75	13.00	
165	THV.C 05707	Nguyễn Trung Điệp	14/04/88		Huyện Cẩm Khê		1		4.00	3.75	3.75	11.50	11.50	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
166	THV.C 05709	Phạm Thị Diên	18/02/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	602	6.00	0.75	1.50	8.25	8.50	
167	THV.C 05713	Đỗ Thị Định	25/09/90	Nữ	Huyện Bát Xát		1		1.00	0.50	4.00	5.50	5.50	
168	THV.C 05714	Vì Thị Định	17/01/89	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		5.00	6.00	6.75	17.75	18.00	
169	THV.C 05718	Nguyễn Ngọc Đông	13/03/90		Huyện Phù Ninh		1	602	5.00	6.25	6.75	18.00	18.00	
170	THV.C 05720	Hà Tiến Độ	09/07/89		Huyện Yên Lập	01	1	602	4.50	5.25	5.25	15.00	15.00	
171	THV.C 05721	Vì Văn Đội	21/11/91		Huyện Bắc Quang	01	1	904	4.00	1.50	6.75	12.25	12.50	
172	THV.C 05725	Hoàng Thị Dư	09/12/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	904	4.00	0.75	3.00	7.75	8.00	
173	THV.C 05726	Nguyễn Khắc Đức	29/10/91		Huyện Phù Ninh		1	602	4.00	5.25	5.75	15.00	15.00	
174	THV.C 05727	Nguyễn Trung Đức	19/05/90		Huyện Bắc Quang	01	1		3.00	4.00	4.00	11.00	11.00	
175	THV.C 05728	Trương Việt Đức	01/07/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	602	5.00	6.00	6.75	17.75	18.00	
176	THV.C 05729	Lã Trung Đức	01/10/91		Huyện Bắc Mê	01	1	602	1.00	0.25	1.00	2.25	2.50	
177	THV.C 05730	Nguyễn Thị Gái	13/09/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	602	4.00	2.50	3.00	9.50	9.50	
178	THV.C 05732	Phan Văn Giang	10/07/89		Huyện Văn Yên		1	602	4.00	2.50	0.50	7.00	7.00	
179	THV.C 05733	Đinh Thị Giang	22/06/89	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	904	7.00	3.75	5.25	16.00	16.00	
180	THV.C 05734	Phạm Phương Giang	09/06/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	904	3.50	1.50	4.50	9.50	9.50	
181	THV.C 05737	Nguyễn Thị Giang	06/08/91	Nữ	Thị xã Hà Giang	01	1	904	3.50	0.25	4.00	7.75	8.00	
182	THV.C 05738	Chu Thị Giang	13/11/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		7.00	3.50	6.00	16.50	16.50	
183	THV.C 05740	Đinh Thị Hương	27/07/91	Nữ	Huyện Quốc Oai	01	1	602	5.50	3.50	6.00	15.00	15.00	
184	THV.C 05741	Đỗ Thị An	15/04/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	602	6.00	1.00	7.00	14.00	14.00	
185	THV.C 05742	Phan Thị Thanh	26/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	602	6.00	2.75	5.25	14.00	14.00	
186	THV.C 05743	Trần Hương	20/11/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	602	2.00	0.50	2.50	5.00	5.00	
187	THV.C 05744	Phùng Thị	14/11/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	5.00	1.75	6.50	13.25	13.50	
188	THV.C 05745	Trần Thị	24/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	5.50	7.75	7.50	20.75	21.00	
189	THV.C 05747	Đinh Thị Hương	23/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	5.50	4.50	7.00	17.00	17.00	
190	THV.C 05749	Trần Thị	01/06/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	2	904	6.00	0.50	4.75	11.25	11.50	
191	THV.C 05750	Dương Thị Hà	04/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	602	6.50	4.00	3.75	14.25	14.50	
192	THV.C 05751	Nguyễn Lê	23/11/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	6.50	2.50	6.50	15.50	15.50	
193	THV.C 05752	Nguyễn Thị Thùy	21/03/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	602	7.00	8.00	8.00	23.00	23.00	
194	THV.C 05753	Lê Hà	05/10/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	605	5.00	2.00	7.00	14.00	14.00	
195	THV.C 05755	Trần Thị	10/04/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	904	4.50	0.00	3.00	7.50	7.50	
196	THV.C 05756	Nguyễn Thị Thu	02/07/89	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		5.00	4.75	7.00	16.75	17.00	
197	THV.C 05757	Nguyễn Thị Thanh	05/04/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	4.50	9.00	7.00	20.50	20.50	
198	THV.C 05758	Phạm Thị Hương	28/04/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1		4.00	0.50	6.25	10.75	11.00	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
199	THV.C 05760	Hà Thuý	Gương	17/04/90	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	602	1.00	1.00	1.00	3.00	3.00	
200	THV.C 05761	Dương Thị	Gương	26/01/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	904	2.50	1.25	2.50	6.25	6.50	
201	THV.C 05762	Hoàng Thị Thu	Hà	24/09/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	602	3.50	7.25	6.25	17.00	17.00	
202	THV.C 05764	Nguyễn Thị Thuý	Hà	05/09/88	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		5.00	4.50	7.25	16.75	17.00	
203	THV.C 05766	Nguyễn Thị	Hà	19/01/91	Nữ	Huyện Ba Vì	01	2	602	3.00	0.00	5.00	8.00	8.00	
204	THV.C 05767	Nguyễn Thanh	Hà	16/03/90		Huyện Văn Yên		1	602	5.50	0.75	5.00	11.25	11.50	
205	THV.C 05768	Vũ Thị	Hà	29/10/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1	605	4.00	1.00	2.25	7.25	7.50	
206	THV.C 05769	Nguyễn Thu	Hà	26/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	602	5.50	1.00	5.00	11.50	11.50	
207	THV.C 05770	Nguyễn Nhị	Hà	08/10/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	602	3.50	6.75	5.75	16.00	16.00	
208	THV.C 05771	Hà Thị Thu	Hà	01/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		4.50	2.00	5.00	11.50	11.50	
209	THV.C 05772	Hoàng Thị Hồng	Hà	01/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	5.50	5.25	7.00	17.75	18.00	
210	THV.C 05774	Nguyễn Thị Thu	Hà	04/12/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	602	6.00	5.75	8.00	19.75	20.00	
211	THV.C 05776	Nguyễn Thu	Hà	04/04/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	904	4.50	2.00	6.00	12.50	12.50	
212	THV.C 05778	Hoàng Thị	Hà	02/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		1		6.00	8.00	8.50	22.50	22.50	
213	THV.C 05779	Phạm Thị	Hà	19/08/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	6.00	2.25	6.25	14.50	14.50	
214	THV.C 05780	Nguyễn Ngân	Hà	07/02/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	602	4.00	6.50	5.25	15.75	16.00	
215	THV.C 05782	Đỗ Thị Thu	Hà	02/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	605	4.50	4.75	6.00	15.25	15.50	
216	THV.C 05784	Chu Thị	Hà	11/04/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	5.50	4.75	6.50	16.75	17.00	
217	THV.C 05786	Nguyễn Thị	Hà	20/12/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	605	5.00	3.75	8.25	17.00	17.00	
218	THV.C 05788	Đỗ Thị Thu	Hà	22/05/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	6.00	4.75	5.25	16.00	16.00	
219	THV.C 05791	Nguyễn Thị Hải	Hà	29/10/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	904	5.50	1.75	3.75	11.00	11.00	
220	THV.C 05792	Phạm Thị Ngọc	Hà	05/11/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		5.50	1.75	5.75	13.00	13.00	
221	THV.C 05793	Trần Thị Thu	Hà	07/01/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	904	6.00	3.50	7.75	17.25	17.50	
222	THV.C 05794	Lê Thị Thu	Hà	17/10/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	904	3.00	0.25	3.75	7.00	7.00	
223	THV.C 05795	Đặng Ngọc	Hà	13/04/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	602	5.50	3.25	6.50	15.25	15.50	
224	THV.C 05796	Đặng Thị	Hà	02/06/89	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	4.00	7.75	5.25	17.00	17.00	
225	THV.C 05797	Nguyễn Thị	Hà	05/11/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	602	4.50	2.75	4.25	11.50	11.50	
226	THV.C 05800	Hà Thị Thu	Hà	03/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		4.00	1.25	5.00	10.25	10.50	
227	THV.C 05801	Phan Thị Thanh	Hà	02/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	4.50	6.00	7.50	18.00	18.00	
228	THV.C 05802	Nguyễn Thị Thu	Hà	11/11/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng	01	1	602	5.00	3.50	6.75	15.25	15.50	
229	THV.C 05803	Bùi Thị	Hà	29/07/89	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	2.50	0.50	1.25	4.25	4.50	
230	THV.C 05806	Triệu Thị	Hải	04/08/89	Nữ	Huyện Yên Lập	01	2	602	3.00	0.75	3.50	7.25	7.50	
231	THV.C 05807	Ma Thị	Hải	10/03/92	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	904	2.50	1.25	5.00	8.75	9.00	

## THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
232	THV.C 05809	Nguyễn Thắng	Hải	26/09/91		Huyện Bắc Hà		1	904	1.50	0.00	1.00	2.50	2.50	
233	THV.C 05810	Đàm Thị	Hải	14/09/91	Nữ	Huyện Ba Vì		1	904	4.50	1.00	5.50	11.00	11.00	
234	THV.C 05813	Nguyễn Thị Minh	Hải	10/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		3.50	1.00	4.25	8.75	9.00	
235	THV.C 05814	Lê Quang	Hải	20/06/91		Huyện Lập Thạch		1	904	2.50	0.50	4.50	7.50	7.50	
236	THV.C 05815	Bùi Thị Thanh	Hải	14/02/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	4.50	0.00		4.50	4.50	
237	THV.C 05816	Hà Huy	Hải	04/08/91		Huyện Yên Lập	01	1	904	3.50	1.75	3.00	8.25	8.50	
238	THV.C 05817	Bùi Thị	Hải	16/11/91	Nữ	Huyện Yên Thủy	01	1	602	3.00	1.25	3.75	8.00	8.00	
239	THV.C 05818	Nguyễn Văn	Hải	15/02/90		Huyện Lập Thạch		1		5.00	0.50	5.25	10.75	11.00	
240	THV.C 05820	Phùng Thị Hằng	Hải	07/07/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	5.50	3.25	5.25	14.00	14.00	
241	THV.C 05821	Trần Xuân	Hải	25/03/89		Huyện Văn Yên		1	602	2.50	1.00	5.00	8.50	8.50	
242	THV.C 05822	Phạm Thị	Hải	23/04/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	602	4.50	2.50	6.25	13.25	13.50	
243	THV.C 05824	Trần Thị Thu	Hải	24/08/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	602	5.50	1.50	5.50	12.50	12.50	
244	THV.C 05827	Hà Thị Hồng	Hải	14/04/91	Nữ	TP. Việt Trì		1	904	6.00	3.25	7.50	16.75	17.00	
245	THV.C 05828	Dương Thị	Hải	20/12/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1		3.00	1.00	2.25	6.25	6.50	
246	THV.C 05829	Nguyễn Thị	Hải	19/05/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	3.50	1.00	3.75	8.25	8.50	
247	THV.C 05832	Thiếu Thị	Hảo	25/03/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	2.50	1.00	2.00	5.50	5.50	
248	THV.C 05834	Nguyễn Thị	Hảo	12/06/90	Nữ	Huyện Văn Yên		1		3.50	3.50	5.00	12.00	12.00	
249	THV.C 05835	Nguyễn Thị	Hảo	28/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	602	3.50	6.00	5.00	14.50	14.50	
250	THV.C 05836	Hà Văn	Hạ	10/06/91		Huyện Tân Sơn	01	1	602	3.00	1.00	4.25	8.25	8.50	
251	THV.C 05837	Nguyễn Thị	Hạnh	26/11/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	904	5.00	1.00	3.50	9.50	9.50	
252	THV.C 05838	Phạm Thị Phương	Hạnh	08/01/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	605	6.50	8.00	5.75	20.25	20.50	
253	THV.C 05839	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	09/04/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	3.50	1.75	2.00	7.25	7.50	
254	THV.C 05840	Nguyễn Thị	Hạnh	09/09/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	6.50	6.00	8.25	20.75	21.00	
255	THV.C 05841	Đình Thị	Hạnh	16/09/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	904	6.50	6.50	6.25	19.25	19.50	
256	THV.C 05842	Nguyễn Thị	Hạnh	20/10/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	904	6.00	6.00	5.75	17.75	18.00	
257	THV.C 05844	Tạ Thị Tuyết	Hạnh	31/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	4.50	2.25	5.00	11.75	12.00	
258	THV.C 05845	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	03/04/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	602	3.50	1.50	3.25	8.25	8.50	
259	THV.C 05846	Lương Hồng	Hạnh	22/11/90	Nữ	Huyện Lục Yên		1	602	4.50	6.25	7.75	18.50	18.50	
260	THV.C 05847	Mai Thị Thúy	Hạnh	05/02/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	904	4.50	2.00	5.25	11.75	12.00	
261	THV.C 05849	Trịnh Ngọc	Hân	22/07/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	602	5.00	5.50	6.75	17.25	17.50	
262	THV.C 05850	Lương Thị	Hân	08/02/90	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2NT	602	6.00	6.00	6.00	18.00	18.00	
263	THV.C 05851	Nguyễn Thị	Hậu	24/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	5.50	4.00	5.75	15.25	15.50	
264	THV.C 05853	Trần Thị	Hậu	20/06/88	Nữ	Huyện Yên Bình		1		5.50	3.75	5.00	14.25	14.50	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
265	THV.C 05854	Bùi Thị Bích	Hậu	02/11/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	5.00	2.00	6.00	13.00	13.00	
266	THV.C 05857	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/06/90	Nữ	Huyện Yên Sơn	06	1	904	2.00	1.00	0.75	3.75	4.00	
267	THV.C 05859	Nguyễn Thị	Hằng	24/10/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	605	4.00	1.25	5.00	10.25	10.50	
268	THV.C 05862	Nguyễn Thu	Hằng	12/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	%05	4.00	1.00	3.75	8.75	9.00	
269	THV.C 05863	Triệu Thị	Hằng	14/01/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1		5.00	2.00	6.75	13.75	14.00	
270	THV.C 05864	Dương Thị Thu	Hằng	17/05/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	602	3.50	1.00	4.25	8.75	9.00	
271	THV.C 05865	Hoàng Thị	Hằng	02/06/90	Nữ	Huyện Bắc Quang		1		2.50	1.00	1.50	5.00	5.00	
272	THV.C 05866	Nguyễn Thị	Hằng	01/09/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	4.00	1.25	4.00	9.25	9.50	
273	THV.C 05867	Mai Thị Thu	Hằng	10/03/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	602	5.50	2.25	3.00	10.75	11.00	
274	THV.C 05868	Nguyễn Thu	Hằng	20/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	602	7.00	8.50	7.75	23.25	23.50	
275	THV.C 05869	Bùi Thị Thuý	Hằng	27/12/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	605	5.50	1.50	3.25	10.25	10.50	
276	THV.C 05870	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	22/04/89	Nữ	Thành phố Sơn Tây		2	602	6.00	7.00	7.50	20.50	20.50	
277	THV.C 05871	Nguyễn Thị Thu	Hằng	15/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	602	4.00	2.00	3.25	9.25	9.50	
278	THV.C 05872	Vũ Thị	Hằng	16/04/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		2.00	2.00	2.25	6.25	6.50	
279	THV.C 05873	Hà Thị Thuý	Hằng	25/12/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	602	5.00	5.00	7.00	17.00	17.00	
280	THV.C 05874	Đào Thị Thu	Hằng	05/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	605	3.50	0.75	3.50	7.75	8.00	
281	THV.C 05875	Tạ Thanh	Hằng	23/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	C68	3.00	2.50	3.75	9.25	9.50	
282	THV.C 05877	Tạ Thị Thu	Hằng	27/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		4.00	2.00	3.50	9.50	9.50	
283	THV.C 05878	Phạm Thị	Hằng	17/01/89	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	3.50	3.00	4.75	11.25	11.50	
284	THV.C 05880	Phạm Thị	Hằng	22/11/91	Nữ	Huyện Đan Phượng		2NT	605	4.50	2.25	4.25	11.00	11.00	
285	THV.C 05881	Phùng Thị	Hằng	02/09/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	904	5.00	2.75	3.00	10.75	11.00	
286	THV.C 05882	Vũ Thị	Hằng	09/08/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	602	3.50	1.25	5.00	9.75	10.00	
287	THV.C 05883	Triệu Thị	Hằng	12/01/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	904	4.00	4.50	7.25	15.75	16.00	
288	THV.C 05884	Nguyễn Thu	Hằng	06/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	602	4.00	0.75	5.00	9.75	10.00	
289	THV.C 05885	Bùi Thị	Hằng	28/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	602	4.00	3.00	5.00	12.00	12.00	
290	THV.C 05886	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	06/06/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	602	4.00	3.75	4.50	12.25	12.50	
291	THV.C 05887	Quách Thị	Hằng	17/11/90	Nữ	Huyện Yên Thủy	01	1	602	1.00	2.00	3.75	6.75	7.00	
292	THV.C 05890	Trần Thị Thu	Hằng	07/06/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	3.00	2.00	3.00	8.00	8.00	
293	THV.C 05891	Nguyễn Thu	Hằng	07/09/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	3.50	0.25	4.00	7.75	8.00	
294	THV.C 05894	Nguyễn Thu	Hằng	10/06/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	3.00	0.75	5.00	8.75	9.00	
295	THV.C 05895	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	605	4.50	1.50	4.25	10.25	10.50	
296	THV.C 05896	Trần Thu	Hằng	28/04/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	4.00	0.25	4.50	8.75	9.00	
297	THV.C 05898	Trần Thị	Hằng	20/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	602	4.50	2.00	4.75	11.25	11.50	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
298	THV.C 05899	Lê Thị Thuý	Hằng	17/08/91	Nữ	Thị xã Uông Bí		2	605	2.50	2.50	4.75	9.75	10.00	
299	THV.C 05903	Trần Thị Thu	Hiên	06/11/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	602	2.00	2.50	5.00	9.50	9.50	
300	THV.C 05905	Hà Thị Mai	Hiên	02/12/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	3.00	5.75	1.75	10.50	10.50	
301	THV.C 05906	Hoàng Thị	Hiên	20/02/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		2.50	1.25	4.75	8.50	8.50	
302	THV.C 05907	Đỗ Thị	Hiên	10/11/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	C68	4.00	2.00	3.75	9.75	10.00	
303	THV.C 05908	Phí Thị	Hiên	10/02/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	5.00	1.75	4.25	11.00	11.00	
304	THV.C 05909	Bùi Thị Thu	Hiên	04/09/89	Nữ	TP. Việt Trì		1	602	3.00	2.75	4.25	10.00	10.00	
305	THV.C 05911	Vi Hữu	Hiếu	09/07/89		Huyện Thanh Ba		2	602	3.50	2.25	5.00	10.75	11.00	
306	THV.C 05912	Nguyễn Mạnh	Hiếu	04/05/90		Huyện Trấn Yên		1	602	5.00	5.00	6.25	16.25	16.50	
307	THV.C 05913	Phạm Thị Ngọc	Hiếu	27/07/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	904	3.00	0.50	4.00	7.50	7.50	
308	THV.C 05916	Nguyễn Thị Diệp	Hiên	31/08/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1		2.50	1.00	1.00	4.50	4.50	
309	THV.C 05917	Phạm Xuân	Hiệp	06/08/88		Huyện Yên Lạc		2NT	605	3.00	0.00	.	3.00	3.00	
310	THV.C 05918	Nguyễn Văn	Hiệp	15/05/89		Huyện Lục Yên	01	1	602	4.50	8.75	5.25	18.50	18.50	
311	THV.C 05919	Cao Văn	Hiệp	14/07/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	3.00	0.75	4.00	7.75	8.00	
312	THV.C 05920	Nguyễn Văn	Hiệu	12/10/89		Huyện Phù Ninh		1	602	4.00	7.75	6.75	18.50	18.50	
313	THV.C 05924	Đào Thị Thu	Hiên	24/11/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	602	4.00	3.50	5.25	12.75	13.00	
314	THV.C 05925	Đỗ Thị	Hiên	06/10/90	Nữ	Huyện Quốc Oai		2NT	602	5.00	6.00	6.50	17.50	17.50	
315	THV.C 05926	Nguyễn Thị Thu	Hiên	15/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	904	4.00	0.25	2.50	6.75	7.00	
316	THV.C 05927	Hoàng Thu	Hiên	30/08/91	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	602	3.50	1.75	5.00	10.25	10.50	
317	THV.C 05928	Hoàng Thị	Hiên	01/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	4.50	5.25	6.75	16.50	16.50	
318	THV.C 05929	Lê Thị Thu	Hiên	17/12/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	602	5.50	2.75	7.00	15.25	15.50	
319	THV.C 05930	Nguyễn Thị Thanh	Hiên	28/03/89	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	602	4.50	1.75	4.25	10.50	10.50	
320	THV.C 05935	Trần Thị	Hiên	02/01/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	602	5.50	8.25	6.75	20.50	20.50	
321	THV.C 05936	Nguyễn Thị Thu	Hiên	04/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	7.00	6.00	5.75	18.75	19.00	
322	THV.C 05939	Hán Thị Thu	Hiên	30/08/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	6.00	3.75	5.50	15.25	15.50	
323	THV.C 05940	Nguyễn Thu	Hiên	11/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	6.50	5.00	7.00	18.50	18.50	
324	THV.C 05942	Nguyễn Thị Thu	Hiên	25/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	602	3.50	0.25	3.75	7.50	7.50	
325	THV.C 05943	Hà Thị	Hiên	09/08/90	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	904	3.00	0.00	3.75	6.75	7.00	
326	THV.C 05945	Phùng Thị Thu	Hiên	09/11/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	904	4.00	2.00	5.00	11.00	11.00	
327	THV.C 05949	Quan Thị	Hiên	15/09/91	Nữ	Huyện Na Hang	01	1	904	5.00	1.50	6.25	12.75	13.00	
328	THV.C 05950	Vũ Thị	Hiên	20/07/91	Nữ	Huyện Trấn Yên	01	1	602	4.50	1.00	5.25	10.75	11.00	
329	THV.C 05951	Nguyễn Thị Thanh	Hiên	18/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	6.50	2.00	7.00	15.50	15.50	
330	THV.C 05953	Nguyễn Thị	Hiên	05/08/90	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	904	4.00	1.50	4.50	10.00	10.00	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
331	THV.C 05954	Phùng Thị Thanh	Hiên	02/05/91	Nữ	Thành phố Vinh Yên		2NT	605	3.00	0.50	2.50	6.00	6.00	
332	THV.C 05956	Hoàng Thị	Hiên	16/07/91	Nữ	Thành phố Vinh Yên		2	904	5.50	2.00	4.50	12.00	12.00	
333	THV.C 05957	Nguyễn Thị Thu	Hiên	20/10/91	Nữ	Thành phố Vinh Yên		2	904	5.50	2.50	6.00	14.00	14.00	
334	THV.C 05958	Nguyễn Thị Bộ	Hiên	02/06/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	605	4.00	2.50	6.00	12.50	12.50	
335	THV.C 05959	Nguyễn Thị Thu	Hiên	15/01/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	602	5.50	3.00	3.00	11.50	11.50	
336	THV.C 05960	Hoàng Thị	Hoa	06/04/89	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		4.00	6.50	7.50	18.00	18.00	
337	THV.C 05961	Đặng Thị Thuỳ	Hoa	11/11/89	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	5.50	1.50	5.50	12.50	12.50	
338	THV.C 05963	Mai Thị Thanh	Hoa	10/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba	06	1	602	4.50	0.50	4.25	9.25	9.50	
339	THV.C 05964	Nguyễn Thị	Hoa	03/09/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		6.00	4.00	6.75	16.75	17.00	
340	THV.C 05965	Trần Thị Việt	Hoa	14/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	4.00	1.50	4.00	9.50	9.50	
341	THV.C 05966	Phạm Thị	Hoa	10/08/91	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	904	4.50	3.50	6.25	14.25	14.50	
342	THV.C 05967	Nguyễn Thanh	Hoa	01/04/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	602	3.50	1.50	4.00	9.00	9.00	
343	THV.C 05968	Nguyễn Thị	Hoa	05/02/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	904	4.50	2.50	5.75	12.75	13.00	
344	THV.C 05970	Phạm Thị Tân	Hoa	07/12/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		5.50	4.50	4.50	14.50	14.50	
345	THV.C 05972	Trần Thị Thanh	Hoa	02/02/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		4.00	2.00	5.75	11.75	12.00	
346	THV.C 05975	Mai Thị	Hoa	16/07/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	602	3.50	0.50	1.25	5.25	5.50	
347	THV.C 05976	Phùng Thu	Hoa	17/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	605	5.00	0.50	1.75	7.25	7.50	
348	THV.C 05977	Tống Thị	Hoa	21/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	5.00	4.25	5.50	14.75	15.00	
349	THV.C 05978	Nguyễn Thị	Hoa	27/01/91	Nữ	Huyện Yên Bình	06	1	904	4.00	1.50	5.25	10.75	11.00	
350	THV.C 05982	La Thị	Hoa	20/06/91	Nữ	Huyện Na Hang	01	1	904	3.00	0.75	3.75	7.50	7.50	
351	THV.C 05983	Vũ Thị Yến	Hoa	13/01/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		5.50	7.25	5.50	18.25	18.50	
352	THV.C 05984	Nguyễn Thiện	Hoa	23/12/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	602	5.00	0.50	3.00	8.50	8.50	
353	THV.C 05986	Vi Thị Thanh	Hoa	22/03/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		5.00	4.50	6.00	15.50	15.50	
354	THV.C 05988	Nguyễn Thị	Hoa	12/10/91	Nữ	Huyện Thanh Miện		2NT	605	5.50	1.00	5.25	11.75	12.00	
355	THV.C 05989	Mai Thị	Hoa	13/04/89	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	602	6.50	3.00	6.50	16.00	16.00	
356	THV.C 05990	Phạm Thị Ngọc	Hoa	16/10/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	6.50	2.75	5.75	15.00	15.00	
357	THV.C 05991	Trần Thị Thanh	Hoa	17/01/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	4.00	1.00	0.75	5.75	6.00	
358	THV.C 05992	Nguyễn Thị	Hoa	27/09/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		4.00	2.00	5.00	11.00	11.00	
359	THV.C 05993	Trần Thị Thanh	Hoa	11/09/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		3.00	0.50	5.25	8.75	9.00	
360	THV.C 05995	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	19/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	605	4.00	1.00	5.75	10.75	11.00	
361	THV.C 05996	Phan Thanh	Hoa	24/11/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	5.00	2.25	5.25	12.50	12.50	
362	THV.C 05998	Lương Thị	Hoa	14/04/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	3.00	0.50	2.25	5.75	6.00	
363	THV.C 06002	Bùi Thị	Hoà	05/12/90	Nữ	Huyện Kim Bôi	01	1	602	2.00	1.00	4.00	7.00	7.00	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
364	THV.C 06003	Nguyễn Thị Hoà	07/11/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	602	4.00	3.00	4.50	11.50	11.50	
365	THV.C 06004	Hà Thị Hoà	10/04/91	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	904	3.00	0.25	5.50	8.75	9.00	
366	THV.C 06005	Phạm Thị Hoà	23/05/91	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	605	3.00	0.25	4.00	7.25	7.50	
367	THV.C 06007	Kim Thị Hoà	10/12/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	4.50	0.50	2.50	7.50	7.50	
368	THV.C 06008	Nguyễn Thị Hoà	17/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	6.00	4.50	7.50	18.00	18.00	
369	THV.C 06009	Nguyễn Thị Hoà	16/05/90	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	904	3.00	1.00	4.50	8.50	8.50	
370	THV.C 06011	Đoàn Thị Lê Hoà	08/12/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	602	5.50	4.25	6.50	16.25	16.50	
371	THV.C 06012	Khuất Thị Hoà	02/02/90	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2	602	5.50	8.00	7.00	20.50	20.50	
372	THV.C 06013	Nguyễn Thị Tô Hoà	20/03/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	602	4.00	4.00	6.25	14.25	14.50	
373	THV.C 06015	Nguyễn Thị Hoà	22/12/89	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	904	5.50	5.00	5.75	16.25	16.50	
374	THV.C 06017	Nguyễn Thị Hoàn	10/06/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		2.00	1.00	3.75	6.75	7.00	
375	THV.C 06019	Đình Hồng Hoàn	26/11/89	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	602	2.50	3.75	5.25	11.50	11.50	
376	THV.C 06020	Nguyễn Ngọc Hoàn	01/05/91		Huyện Đoan Hùng	06	1	602	4.00	3.00	5.50	12.50	12.50	
377	THV.C 06021	Hoàng Thị Thuý Hoàn	11/11/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	904	3.50	4.00	4.50	12.00	12.00	
378	THV.C 06022	Hà Thị Hoàng	01/01/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	904	5.00	2.50	6.50	14.00	14.00	
379	THV.C 06024	Trần Minh Hoàng	04/07/91		Huyện Thanh Ba		1	904	4.00	2.00	5.75	11.75	12.00	
380	THV.C 06026	Đỗ Thái Hoàng	22/11/87		Huyện Bắc Quang	06	1	904	1.50	0.50	2.50	4.50	4.50	
381	THV.C 06028	Sin Mỹ Hòa	19/09/90	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	602	4.00	3.00	5.50	12.50	12.50	
382	THV.C 06029	Đình Quang Hòa	19/02/90		Huyện Ba Vì	01	1	602	2.00	5.00	6.25	13.25	13.50	
383	THV.C 06030	Nguyễn Thị Hồi	02/12/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	605	5.00	2.00	6.50	13.50	13.50	
384	THV.C 06031	Phùng Thị Hồi	02/08/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	605	5.50	4.00	6.00	15.50	15.50	
385	THV.C 06032	Nguyễn Thị Nhung Hồng	05/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	7.00	4.50	6.25	17.75	18.00	
386	THV.C 06033	Lưu Thị Hồng	23/01/91	Nữ	Thị xã Phúc Yên	01	2	904	6.00	4.00	7.50	17.50	17.50	
387	THV.C 06034	Đỗ Thị Hồng	05/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	602	3.50	2.25	7.50	13.25	13.50	
388	THV.C 06035	Vương Thị Hồng	04/06/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	602	2.50	4.00	6.00	12.50	12.50	
389	THV.C 06036	Đỗ Thị Bích Hồng	09/04/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	904	3.00	2.50	4.50	10.00	10.00	
390	THV.C 06037	Trần Thị Hồng	03/10/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	602	1.50	1.00	3.75	6.25	6.50	
391	THV.C 06038	Nguyễn Thị Thu Hồng	08/03/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	904	3.50	1.00		4.50	4.50	
392	THV.C 06039	Nguyễn Thị Bích Hồng	27/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	904	5.50	2.25	7.25	15.00	15.00	
393	THV.C 06040	Lộc Thị Hồng	02/02/89	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	602	3.50	2.00	1.00	6.50	6.50	
394	THV.C 06044	Triệu Thị Hồng	25/11/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	602	2.00	0.50	1.50	4.00	4.00	
395	THV.C 06045	Tạ Thị Hồng	20/11/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1		3.00	1.00	3.25	7.25	7.50	
396	THV.C 06049	Phùng Thị Hồng	04/06/89	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT		3.00	2.25	3.75	9.00	9.00	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
397	THV.C 06055	Lục Kim	Hợp	03/07/89		Huyện Mường Khương	01	1		3.00	2.25	5.00	10.25	10.50	
398	THV.C 06057	Nguyễn Thị	Huân	01/05/90	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	4.50	5.00	7.00	16.50	16.50	
399	THV.C 06058	Trần Thị	Huân	27/04/88	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	904	1.00	1.50	0.75	3.25	3.50	
400	THV.C 06059	Đỗ Văn	Huân	09/10/91		Huyện Yên Lập		1	602	4.00	6.00	7.25	17.25	17.50	
401	THV.C 06060	Nguyễn Thanh	Huế	01/11/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1		4.50	4.00	5.00	13.50	13.50	
402	THV.C 06063	Nguyễn Ngọc	Huế	20/01/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	602	4.00	5.00	6.00	15.00	15.00	
403	THV.C 06064	Phùng Thị	Huế	15/08/89	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	605	4.00	2.50	5.00	11.50	11.50	
404	THV.C 06065	Nguyễn Thị	Huế	18/11/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	1.50	1.50	2.75	5.75	6.00	
405	THV.C 06068	Hoàng Thị	Huế	30/08/89	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		3.50	0.50	2.75	6.75	7.00	
406	THV.C 06069	Đào Thị	Huế	22/12/91	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	904	4.50	2.50	6.25	13.25	13.50	
407	THV.C 06070	Quách Thị	Huế	10/01/90	Nữ	Huyện Kim Bôi	01	1	904	4.50	3.00	4.75	12.25	12.50	
408	THV.C 06071	Vì Thị	Huế	13/02/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	904	6.00	5.00	6.75	17.75	18.00	
409	THV.C 06073	Lê Thị	Huế	20/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	605	4.00	1.00	3.25	8.25	8.50	
410	THV.C 06074	Hạ Thị Minh	Huế	21/06/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	4.00	4.00	6.25	14.25	14.50	
411	THV.C 06076	Nguyễn Minh	Huế	06/10/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	602	5.00	2.00	4.75	11.75	12.00	
412	THV.C 06077	Lê Thị	Huế	13/06/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	904	3.50	0.50	4.50	8.50	8.50	
413	THV.C 06078	Phạm Thị	Huế	16/02/90	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	602	4.50	8.00	7.25	19.75	20.00	
414	THV.C 06080	Đào Thị	Huế	20/01/92	Nữ	Huyện Phù Ninh		1		6.50	7.00	9.50	23.00	23.00	
415	THV.C 06081	Lý Thị	Huế	02/12/89	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	2.50	2.00	2.25	6.75	7.00	
416	THV.C 06084	Nguyễn Thị	Huế	20/11/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1		3.00	1.25	3.50	7.75	8.00	
417	THV.C 06085	Nguyễn Thị	Huế	17/10/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	904	5.00	1.75	6.75	13.50	13.50	
418	THV.C 06086	Lê Thị	Huế	26/08/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	904	6.00	1.00	7.25	14.25	14.50	
419	THV.C 06087	Đỗ Thị	Huế	30/07/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	4.00	1.25	6.00	11.25	11.50	
420	THV.C 06088	Vàng Thị	Huế	07/12/91	Nữ	Huyện Yên Minh	01	1	904	4.50	3.50	6.25	14.25	14.50	
421	THV.C 06089	Nguyễn Quang	Huy	21/06/89		Huyện Hàm Yên		1	602	3.50	6.00	5.50	15.00	15.00	
422	THV.C 06090	Hoàng Đức	Huy	25/04/89		Huyện Bắc Quang	01	1	602	1.50	0.75	0.75	3.00	3.00	
423	THV.C 06091	Hoàng Văn	Huy	04/11/90		Huyện Lục Yên	01	1	602	4.50	1.25	5.25	11.00	11.00	
424	THV.C 06092	Nguyễn Xuân	Huy	11/05/91		Huyện Phù Ninh		1	904	4.50	1.25	6.75	12.50	12.50	
425	THV.C 06093	Lê Nhật	Huy	26/09/91		Huyện Hạ Hoà		1	602	3.50	1.50	6.00	11.00	11.00	
426	THV.C 06094	Nguyễn Ngọc	Huy	22/11/91		Thị xã Phú Thọ		1	602	4.00	4.75	5.50	14.25	14.50	
427	THV.C 06095	Đặng Xuân	Huy	22/02/89		Thị xã Phú Thọ	06	2	602	4.50	3.00	5.75	13.25	13.50	
428	THV.C 06096	Lê	Huy	21/06/90		Huyện Thanh Sơn		1	602	4.00	6.00	5.00	15.00	15.00	
429	THV.C 06098	Đình Thị Hồng	Huyền	29/12/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	4.50	0.50	3.50	8.50	8.50	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
430	THV.C 06100	Châu Thị Huyện	28/12/91	Nữ	Huyện Na Hang	01	1	904	1.50	0.25	3.50	5.25	5.50	
431	THV.C 06104	Nguyễn Thị Huyện	07/05/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		2	904	4.00	0.25	4.00	8.25	8.50	
432	THV.C 06105	Bùi Thị Huyện	05/06/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	4.00	1.00	5.25	10.25	10.50	
433	THV.C 06107	Hoàng Thu Huyện	12/09/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	602	5.00	3.00	6.00	14.00	14.00	
434	THV.C 06108	Hoàng Thị Huyện	09/07/88	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		4.50	1.00	3.25	8.75	9.00	
435	THV.C 06109	Hà Thị Thanh Huyện	23/03/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		7.00	8.00	7.75	22.75	23.00	
436	THV.C 06111	Hoàng Thị Huyện	20/08/90	Nữ	Huyện Vị Xuyên		1		5.00	3.75	3.75	12.50	12.50	
437	THV.C 06112	Hoàng Thị Ngọc Huyện	26/05/89	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	605	5.00	0.50	5.00	10.50	10.50	
438	THV.C 06113	Nguyễn Minh Huyện	16/11/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1		4.50	3.25	6.50	14.25	14.50	
439	THV.C 06114	Nguyễn Thị Huyện	16/05/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	2	904	5.00	1.75	6.25	13.00	13.00	
440	THV.C 06115	Hoàng Thị Huyện	26/09/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	904	5.00	3.00	4.25	12.25	12.50	
441	THV.C 06116	Nguyễn Thị Thanh Huyện	22/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		5.00	1.50	7.00	13.50	13.50	
442	THV.C 06117	Nông Thị Huyện	02/07/91	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	904	6.00	1.25	4.75	12.00	12.00	
443	THV.C 06118	Nguyễn Thị Minh Huyện	01/09/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	904	5.50	0.25	4.75	10.50	10.50	
444	THV.C 06120	Nghiêm Thị Thanh Huyện	15/09/89	Nữ	Huyện Cẩm Khê	06	1	602	4.50	7.25	7.00	18.75	19.00	
445	THV.C 06121	Phùng Thị Huyện	23/09/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	C68	4.50	1.50	5.50	11.50	11.50	
446	THV.C 06123	Bùi Thị Thu Huyện	26/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba	06	1		3.00	0.75	3.75	7.50	7.50	
447	THV.C 06124	Lê Thị Huyện	14/04/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	904	4.00	1.75	7.00	12.75	13.00	
448	THV.C 06126	Vũ Thị Huyện	22/08/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	904	4.00	0.50	5.50	10.00	10.00	
449	THV.C 06127	Nguyễn Thị Huyện	12/07/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	602	4.00	2.00	4.25	10.25	10.50	
450	THV.C 06128	Bùi Thị Huyện	12/10/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	3.50	0.25		3.75	4.00	
451	THV.C 06129	Dương Thị Huyện	13/01/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	602	5.00	1.25	5.75	12.00	12.00	
452	THV.C 06130	Lê Thị Ngọc Huyện	01/03/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	602	4.50	1.00	2.50	8.00	8.00	
453	THV.C 06131	Nguyễn Thị Thanh Huyện	11/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	5.00	2.00	5.00	12.00	12.00	
454	THV.C 06132	Lê Thị Huyện	16/05/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	605	4.00	1.75	5.50	11.25	11.50	
455	THV.C 06133	Khuất Thị Huyện	06/05/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		6.00	1.75	6.00	13.75	14.00	
456	THV.C 06135	Đào Thị Thu Huyện	25/09/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	602	4.50	2.00	2.75	9.25	9.50	
457	THV.C 06136	Nguyễn Thị Huyện	10/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	904	7.00	5.50	7.25	19.75	20.00	
458	THV.C 06139	Hà Thị Thanh Huyện	25/03/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1		3.00	0.25	2.25	5.50	5.50	
459	THV.C 06140	Trần Thanh Huyện	15/04/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	602	5.50	1.25	6.00	12.75	13.00	
460	THV.C 06142	Nguyễn Thị Huyện	15/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	4.50	1.50	5.50	11.50	11.50	
461	THV.C 06143	Hán Thị Thu Huyện	16/10/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	605	2.50	0.25	2.00	4.75	5.00	
462	THV.C 06144	Nguyễn Thị Huyện	29/08/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	904	3.50	0.75	4.25	8.50	8.50	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
463	THV.C 06146	Trần Thị Huyền	13/02/90	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	602	4.50	5.75	5.50	15.75	16.00	
464	THV.C 06147	Nguyễn Thị Thu Huyền	06/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	605	3.50	0.25	2.75	6.50	6.50	
465	THV.C 06148	Nguyễn Thị Thu Huyền	13/02/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	C68	1.50	0.00		1.50	1.50	
466	THV.C 06149	Hoàng Trọng Huỳnh	14/04/89		Huyện Yên Bình	01	1	602	2.00	5.25	4.75	12.00	12.00	
467	THV.C 06150	Nguyễn Đình Hùng	11/02/91		Huyện Huyện Thanh		2NT	605	2.50	0.00	2.75	5.25	5.50	
468	THV.C 06151	Vì Văn Hùng	12/06/91		Huyện Thanh Ba		2	602	2.50	2.75	5.00	10.25	10.50	
469	THV.C 06153	Đình Việt Hùng	08/06/88		Huyện Thanh Sơn	01	1	C68	3.50	1.00	1.50	6.00	6.00	
470	THV.C 06156	Đặng Xuân Hùng	02/07/91		Huyện Tam Nông		1	605	2.00	0.25	4.25	6.50	6.50	
471	THV.C 06157	Phùng Thị Huệ	11/08/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	904	2.25	0.50	1.75	4.50	4.50	
472	THV.C 06159	Nguyễn Thị Hưng	19/01/91	Nữ	TP. Việt Trì	04	2	C68	1.50	0.00	1.00	2.50	2.50	
473	THV.C 06160	Đỗ Thị Hưng	26/01/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	605	4.00	0.25	5.50	9.75	10.00	
474	THV.C 06161	Kiều Văn Hưng	10/10/91		Huyện Tân Sơn		1	904	2.50	1.50	1.00	5.00	5.00	
475	THV.C 06162	Lê Thị Hưng	20/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	5.50	6.00	7.00	18.50	18.50	
476	THV.C 06163	Phạm Duy Hưng	17/11/91		Huyện Tam Nông		1		4.00	0.25	4.00	8.25	8.50	
477	THV.C 06164	Phạm Thị Hương	02/12/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	605	3.50	0.25	2.00	5.75	6.00	
478	THV.C 06165	Nguyễn Thị Thu Hương	17/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	602	5.00	4.00	7.50	16.50	16.50	
479	THV.C 06167	Nguyễn Thị Hương	15/04/91	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	605	5.50	7.00	7.75	20.25	20.50	
480	THV.C 06168	Lê Thị Thu Hương	05/02/91	Nữ	Huyện Tam Nông	03	1	602	4.50	0.00	4.00	8.50	8.50	
481	THV.C 06171	Triệu Thị Thu Hương	08/06/90	Nữ	Huyện Yên Bình	01	1	602	3.00	1.50	1.75	6.25	6.50	
482	THV.C 06172	Hoàng Thị Xuân Hương	02/04/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	602	5.00	5.25	5.75	16.00	16.00	
483	THV.C 06173	Nguyễn Thị Hương	19/03/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	602	4.50	1.00	2.50	8.00	8.00	
484	THV.C 06174	Lưu Thị Thanh Hương	18/03/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	904	3.00	0.75	3.50	7.25	7.50	
485	THV.C 06175	Lý Thị Hương	05/07/89	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	605	4.50	3.00	6.00	13.50	13.50	
486	THV.C 06176	Trần Thị Hương	20/07/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	602	5.00	0.75	4.00	9.75	10.00	
487	THV.C 06177	Bùi Thị Lan Hương	19/07/90	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2NT		2.25	2.25	2.75	7.25	7.50	
488	THV.C 06178	Bùi Thị Hương	13/12/90	Nữ	Huyện Quang Bình		1		2.00	0.75	4.00	6.75	7.00	
489	THV.C 06179	Nguyễn Thị Thu Hương	20/11/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	602	4.50	2.25	5.50	12.25	12.50	
490	THV.C 06180	Nguyễn Thị Thu Hương	14/11/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	4.50	6.00	7.25	17.75	18.00	
491	THV.C 06181	Nguyễn Thị Khánh Hương	04/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	605	4.50	0.25	3.25	8.00	8.00	
492	THV.C 06182	Đoàn Thị Thanh Hương	18/08/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	602	5.00	2.50	6.25	13.75	14.00	
493	THV.C 06183	Trần Thị Hương	03/01/90	Nữ	Huyện Trần Yên		1	605	2.00	3.00	1.75	6.75	7.00	
494	THV.C 06184	Nguyễn Thị Thu Hương	07/11/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	C68	3.00	1.00	3.75	7.75	8.00	
495	THV.C 06185	Nguyễn Thị Lan Hương	03/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	904	5.50	5.00	7.75	18.25	18.50	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
496	THV.C 06188	Vũ Thị	Hương	10/03/91	Nữ	Huyện Phù Ninh	06	1	605	5.50	4.00	7.00	16.50	16.50	
497	THV.C 06189	Trần Thanh	Hương	01/03/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	602	4.00	1.75	5.25	11.00	11.00	
498	THV.C 06192	Hà Thị Thanh	Hương	26/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	602	2.50	0.00	2.25	4.75	5.00	
499	THV.C 06193	Nguyễn Thuý	Hương	16/06/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	3.00	1.75	6.00	10.75	11.00	
500	THV.C 06194	Phùng Thị Như	Hương	31/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	6.50	0.75	6.00	13.25	13.50	
501	THV.C 06195	Nguyễn Thị	Hương	17/12/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	605	3.50	1.50	4.00	9.00	9.00	
502	THV.C 06196	Phạm Thị Mai	Hương	10/05/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	602	6.00	6.75	8.25	21.00	21.00	
503	THV.C 06197	Đình Thị Thu	Hương	09/04/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	602	5.50	3.25	7.00	15.75	16.00	
504	THV.C 06198	Nguyễn Thị Thanh	Hương	10/03/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		3.50	0.75	4.75	9.00	9.00	
505	THV.C 06200	Khuất Lan	Hương	16/01/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	602	5.50	2.50	3.75	11.75	12.00	
506	THV.C 06201	Hoàng Thị Thanh	Hương	28/01/91	Nữ	Quận Hai		2NT	904	3.00	1.50	4.00	8.50	8.50	
507	THV.C 06203	Lê Thị Thanh	Hương	22/01/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	4.50	1.75	4.75	11.00	11.00	
508	THV.C 06204	Trần Thị Thu	Hương	20/11/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		6.00	7.75	5.75	19.50	19.50	
509	THV.C 06205	Bùi Thị	Hương	12/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		5.50	3.25	4.75	13.50	13.50	
510	THV.C 06207	Đình Thị	Hương	20/10/89	Nữ	Huyện Nho Quan		1		4.50	1.50	3.75	9.75	10.00	
511	THV.C 06208	Hoàng Thị	Hương	11/11/90	Nữ	Huyện Lập Thạch	06	1	904	6.00	8.50	7.75	22.25	22.50	
512	THV.C 06209	Nguyễn Thị	Hương	06/10/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	602	2.50	0.50	0.00	3.00	3.00	
513	THV.C 06210	Hà Thị	Hương	14/02/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	605	5.50	1.50	4.75	11.75	12.00	
514	THV.C 06211	Phạm Thị	Hương	09/12/90	Nữ	Huyện Văn Bàn		1	904	5.00	4.75	4.50	14.25	14.50	
515	THV.C 06212	Vàng Thị	Hương	22/06/90	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1	904	5.00	3.00	2.75	10.75	11.00	
516	THV.C 06214	Nguyễn Thị	Hương	15/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	5.00	2.00	5.50	12.50	12.50	
517	THV.C 06215	Hà Thị	Hương	25/01/90	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	904	1.50	0.00	0.75	2.25	2.50	
518	THV.C 06216	Chu Thị Thu	Hương	20/01/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	6.00	8.50	7.00	21.50	21.50	
519	THV.C 06217	Lê Thị Thu	Hương	29/12/90	Nữ	Huyện Yên Bình		1	904	1.50	0.00	3.25	4.75	5.00	
520	THV.C 06219	Nguyễn Thị Thu	Hương	26/05/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	3.50	1.00	5.75	10.25	10.50	
521	THV.C 06220	Bùi Thị Thu	Hương	03/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	4.50	1.00	5.50	11.00	11.00	
522	THV.C 06223	Tạ Thuý	Hương	01/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	602	5.50	2.50	6.00	14.00	14.00	
523	THV.C 06224	Nguyễn Thị	Hương	03/09/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	904	5.50	3.00	7.00	15.50	15.50	
524	THV.C 06225	Nguyễn Thị	Hương	06/06/90	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	602	5.50	3.25	5.75	14.50	14.50	
525	THV.C 06226	Hoàng Thị Thu	Hương	15/08/87	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		5.50	5.50	5.50	16.50	16.50	
526	THV.C 06227	Hoàng Thị	Hương	30/10/89	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	904	4.50	3.25	4.25	12.00	12.00	
527	THV.C 06228	Nguyễn Thị Thu	Hương	12/06/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	6.00	8.50	8.50	23.00	23.00	
528	THV.C 06230	Hoàng Thị	Hương	10/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	904	4.50	1.00	3.50	9.00	9.00	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
529	THV.C 06231	Nguyễn Thị Thu	Hường	11/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	605	5.50	3.25	7.50	16.25	16.50	
530	THV.C 06233	Khổng Thị	Hường	15/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch	01	1	904	5.50	1.50	5.00	12.00	12.00	
531	THV.C 06235	Lê Thuý	Hường	01/07/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2		5.00	1.50	4.25	10.75	11.00	
532	THV.C 06236	Trương Thị	Hường	01/09/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	3.50	1.00	2.00	6.50	6.50	
533	THV.C 06237	Nguyễn Thị Thu	Hường	15/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		3.00	1.00	3.75	7.75	8.00	
534	THV.C 06239	Phan Thị	Hường	07/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	605	4.00	2.00	2.75	8.75	9.00	
535	THV.C 06240	Nguyễn Ngọc	Hường	21/09/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	904	3.00	2.00	2.25	7.25	7.50	
536	THV.C 06241	Lù A	Hử	19/12/90		Huyện Mù Cang Chải	01	1		4.50	3.00	4.00	11.50	11.50	
537	THV.C 06244	Phạm Văn	Khang	26/08/91		Huyện Bảo Thắng		1	904	2.50	1.50	3.75	7.75	8.00	
538	THV.C 06246	Phùng Văn	Khanh	22/10/88		Huyện Tân Sơn	01	1		4.00	6.00	5.25	15.25	15.50	
539	THV.C 06247	Đỗ Ngọc	Khánh	27/04/91		Huyện Thanh Ba		2	602	4.00	2.50	5.25	11.75	12.00	
540	THV.C 06249	Âu Thị	Khen	20/07/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	904	3.00	2.25	5.50	10.75	11.00	
541	THV.C 06250	Tần Lở	Khé	07/05/90		Huyện Bát Xát	01	1	904	4.50	2.50	5.75	12.75	13.00	
542	THV.C 06251	Phùng Văn	Khiêm	24/11/88		Huyện Tân Sơn	01	1	904	3.00	3.50	4.00	10.50	10.50	
543	THV.C 06253	Bùi Văn	Khoá	25/02/88		Huyện Lạc Sơn	01	1	602	3.00	1.50	2.00	6.50	6.50	
544	THV.C 06254	Vương Văn	Khung	16/05/86		Huyện Quang Bình	01	1		2.00	0.50	2.00	4.50	4.50	
545	THV.C 06255	La Thị	Khuyên	30/01/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1		4.50	2.00	6.50	13.00	13.00	
546	THV.C 06256	Đình Trung	Kiên	30/10/90		Huyện Thanh Sơn	01	1	605	4.50	8.00	5.75	18.25	18.50	
547	THV.C 06257	Nguyễn Văn	Kiên	10/04/89		Huyện Tam Nông	06	1	602	4.00	1.50	4.50	10.00	10.00	
548	THV.C 06261	Cam Thanh	Kiệm	08/09/89		Huyện Bắc Quang	01	1	602	3.00	1.00	1.00	5.00	5.00	
549	THV.C 06267	Hà Thị Ngọc	Lan	16/10/86	Nữ	Huyện Tam Nông		1		5.00	7.50	6.75	19.25	19.50	
550	THV.C 06268	Đỗ Thị Thanh	Lan	08/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	605	5.50	1.50	4.25	11.25	11.50	
551	THV.C 06273	Vũ Thị Tuyết	Lan	25/10/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	605	5.50	1.00	1.75	8.25	8.50	
552	THV.C 06274	Tạ Thị	Lan	01/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	605	4.50	1.00	1.50	7.00	7.00	
553	THV.C 06275	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	29/11/89	Nữ	Huyện Tam Nông		1	602	4.00	0.50	4.50	9.00	9.00	
554	THV.C 06276	Nguyễn Thị	Lan	10/07/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		4.00	2.75	5.50	12.25	12.50	
555	THV.C 06277	Nguyễn Thị	Lan	25/12/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	904	4.50	1.75	4.75	11.00	11.00	
556	THV.C 06278	Hoàng Thị	Lan	18/10/90	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		2.50	1.00	2.75	6.25	6.50	
557	THV.C 06279	Trần Thị Tuyết	Lan	05/01/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	602	4.00	6.75	7.00	17.75	18.00	
558	THV.C 06280	Hoàng Hương	Lan	16/07/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	602	4.00	0.75	5.50	10.25	10.50	
559	THV.C 06281	Vũ Hoàng	Lan	20/01/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	904	4.00	1.00	5.25	10.25	10.50	
560	THV.C 06283	Lý Thị	Lan	02/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		5.00	5.50	8.00	18.50	18.50	
561	THV.C 06284	Bùi Thị	Lan	28/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	602	3.00	3.00	3.50	9.50	9.50	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
562	THV.C 06286	Kiều Đình	Lãi	12/09/91		Huyện Quốc Oai		2NT	602	2.50	4.50	5.50	12.50	12.50	
563	THV.C 06289	Nguyễn Văn	Lâm	20/06/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	605	3.00	1.75	6.50	11.25	11.50	
564	THV.C 06291	Trần Thị	Lập	15/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT		5.50	1.25	5.50	12.25	12.50	
565	THV.C 06292	Linh Thị	Lập	12/01/90	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		4.00	1.00	4.75	9.75	10.00	
566	THV.C 06293	Nguyễn Thị	Lên	25/06/91	Nữ	Thị xã Hà Giang	01	1		3.50	0.75	2.75	7.00	7.00	
567	THV.C 06294	Trần Thị Ba	Lê	10/07/91	Nữ	Quận Hai		2NT	904	4.50	1.75	6.50	12.75	13.00	
568	THV.C 06296	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	28/09/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	605	4.00	2.00	3.50	9.50	9.50	
569	THV.C 06297	Đình Thị Thu	Lệ	16/05/90	Nữ	Huyện Ba Vì	01	1	602	3.50	1.25	4.75	9.50	9.50	
570	THV.C 06299	Hà Thị	Lệ	10/05/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	4.00	1.50	4.75	10.25	10.50	
571	THV.C 06301	Tạ Thị Phương	Liên	01/01/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	602	5.00	3.25	5.50	13.75	14.00	
572	THV.C 06305	Đào Thị Kim	Liên	14/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	904	4.00	1.50	6.25	11.75	12.00	
573	THV.C 06306	Lã Quỳnh	Liên	28/06/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		4.00	3.50	5.25	12.75	13.00	
574	THV.C 06308	Nguyễn Thị Hồng	Liên	17/08/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		4.00	3.50	6.00	13.50	13.50	
575	THV.C 06309	Phạm Thị Kim	Liên	08/01/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	602	5.00	2.25	5.00	12.25	12.50	
576	THV.C 06310	Phạm Thị Mai	Liên	12/06/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy	06	1	904	4.00	1.00	2.50	7.50	7.50	
577	THV.C 06313	Lê Thị Ngọc	Liên	03/09/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		2.00	1.50	3.00	6.50	6.50	
578	THV.C 06314	Lê Thị	Liên	28/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch	01	1	602	6.50	5.25	6.75	18.50	18.50	
579	THV.C 06315	Pờ Thị	Liên	02/08/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	904	4.75	2.25	6.00	13.00	13.00	
580	THV.C 06316	Lê Thị Kim	Liên	19/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	904	5.50	2.50	6.00	14.00	14.00	
581	THV.C 06319	Lưu Thị	Liên	14/11/90	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	602	5.50	3.00	7.25	15.75	16.00	
582	THV.C 06321	Trịnh Thị	Liễu	26/02/89	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	3.50	4.00	4.50	12.00	12.00	
583	THV.C 06323	Nguyễn Thị	Liễu	23/07/90	Nữ	Huyện Quang Bình	01	1		2.00	1.75	4.00	7.75	8.00	
584	THV.C 06324	Lê Thị	Liễu	19/07/91	Nữ	Thị xã Uông Bí		2	605	5.00	1.00	5.25	11.25	11.50	
585	THV.C 06325	Trịnh Thị	Liễu	04/09/90	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	904	5.00	2.75	4.25	12.00	12.00	
586	THV.C 06326	Đỗ Mạnh	Linh	25/12/86		Huyện Mường Khương		1	602	5.50	1.00	4.75	11.25	11.50	
587	THV.C 06327	Sầm Thị Tấn	Linh	12/12/90	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1		2.00	0.75	5.50	8.25	8.50	
588	THV.C 06329	Đình Chí	Linh	12/07/91		Huyện Thanh Thủy	01	3	602	5.00	2.25	5.75	13.00	13.00	
589	THV.C 06330	Lâm Thị	Linh	22/09/87	Nữ	Huyện Bắc Hà	01	1		2.50	0.25	1.50	4.25	4.50	
590	THV.C 06331	Phùng Phương	Linh	14/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	602	4.00	1.25	4.75	10.00	10.00	
591	THV.C 06332	Đình Thị	Linh	27/02/91	Nữ	Huyện Bát Xát		1	602	4.50	2.25	3.25	10.00	10.00	
592	THV.C 06333	Trịnh Mạnh	Linh	05/05/90		Huyện Đoan Hùng		1	602	1.50	2.50	5.25	9.25	9.50	
593	THV.C 06334	Ngô Duy	Linh	15/08/91		TP. Việt Trì		2	602	1.50	2.25	3.50	7.25	7.50	
594	THV.C 06335	Nguyễn Khánh	Linh	27/08/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	4.00	2.75	3.00	9.75	10.00	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
595	THV.C 06336	Bùi Thị Hồng	Linh	01/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	602	6.00	5.00	7.75	18.75	19.00	
596	THV.C 06337	Nguyễn Thị Phương	Linh	15/04/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	4.75	2.75	6.00	13.50	13.50	
597	THV.C 06338	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	22/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	904	3.50	0.50	6.00	10.00	10.00	
598	THV.C 06339	Mai Thị	Linh	24/07/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	4.25	2.75	6.50	13.50	13.50	
599	THV.C 06340	Nguyễn Thị	Linh	23/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	4.50	2.50	5.75	12.75	13.00	
600	THV.C 06341	Trần Ngọc	Linh	01/07/89		Huyện Hạ Hoà		1	605	3.50	0.75	2.00	6.25	6.50	
601	THV.C 06342	Hà Khánh	Linh	16/05/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1		6.50	6.50	5.75	18.75	19.00	
602	THV.C 06343	Hà Thị Thuỳ	Linh	15/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	6.50	1.00	4.25	11.75	12.00	
603	THV.C 06344	Lương Long	Linh	15/11/91		Huyện Hạ Hoà		1	605	4.50	6.25	7.50	18.25	18.50	
604	THV.C 06345	Nguyễn Thị Nga	Linh	04/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	602	5.00	3.50	6.00	14.50	14.50	
605	THV.C 06346	Hà Thị Thuỳ	Linh	28/09/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	904	4.00	7.00	6.50	17.50	17.50	
606	THV.C 06347	Nguyễn Thị	Linh	08/01/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	602	4.00	0.50	4.50	9.00	9.00	
607	THV.C 06348	Trần Diệu	Linh	08/10/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1		5.00	1.50	6.75	13.25	13.50	
608	THV.C 06349	Hà Lý	Linh	21/10/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	904	4.50	3.00	5.25	12.75	13.00	
609	THV.C 06350	Nguyễn Thị	Linh	22/08/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	602	4.50	4.50	5.25	14.25	14.50	
610	THV.C 06352	Phan Văn	Lịch	17/07/90		Huyện Lục Yên	01	1	605	4.50	4.50	3.75	12.75	13.00	
611	THV.C 06353	Vũ Thị Ngọc	Loan	12/05/90	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	605	5.00	8.00	8.50	21.50	21.50	
612	THV.C 06354	Nguyễn Thị	Loan	11/02/89	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1		4.50	2.00	2.00	8.50	8.50	
613	THV.C 06355	Trần Thị	Loan	25/10/89	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	904	3.00	4.00	1.75	8.75	9.00	
614	THV.C 06357	Phạm Thị Hồng	Loan	16/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	C68	5.00	7.00	8.00	20.00	20.00	
615	THV.C 06358	Linh Thị	Loan	31/08/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		3.00	1.50	3.50	8.00	8.00	
616	THV.C 06359	Nguyễn Thị Bích	Loan	09/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	5.00	1.00	1.00	7.00	7.00	
617	THV.C 06360	Nguyễn Thị	Loan	26/01/91	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	904	2.50	1.50	3.50	7.50	7.50	
618	THV.C 06361	Trần Thị Thanh	Loan	17/03/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	605	5.50	4.50	6.00	16.00	16.00	
619	THV.C 06363	Nguyễn Thị	Loan	30/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		5.50	4.50	4.75	14.75	15.00	
620	THV.C 06364	Trần Thị	Loan	15/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	605	3.50	3.50	3.75	10.75	11.00	
621	THV.C 06367	Nguyễn Thị	Loan	16/07/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	904	6.00	2.50	5.75	14.25	14.50	
622	THV.C 06369	Nguyễn Thị Thanh	Loan	08/03/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	605	6.50	4.50	4.75	15.75	16.00	
623	THV.C 06370	Lê Thị	Loan	28/10/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		5.50	7.50	6.50	19.50	19.50	
624	THV.C 06371	Hoàng Thị	Loan	11/06/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	602	5.00	2.50	2.00	9.50	9.50	
625	THV.C 06372	Nguyễn Phùng Thị	Loan	22/11/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	4.50	3.50	5.25	13.25	13.50	
626	THV.C 06373	Lý Thị	Loan	27/08/89	Nữ	Huyện Tam Đảo	01	1	904	6.50	6.50	3.75	16.75	17.00	
627	THV.C 06374	Hà Thị	Loan	22/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	5.50	5.00	6.50	17.00	17.00	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
628	THV.C 06375	Phạm Thị Loan	12/10/91	Nữ	Huyện Tam Nông	06	1	904	3.50	2.00	5.50	11.00	11.00	
629	THV.C 06376	Hà Văn Loan	08/06/89		Huyện Phù Ninh		2NT	605	3.50	4.00	5.50	13.00	13.00	
630	THV.C 06378	Phạm Thị Mai Loan	04/05/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	605	4.00	2.00	6.00	12.00	12.00	
631	THV.C 06379	Khổng Thị Thanh Loan	15/06/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	605	3.50	0.50	4.25	8.25	8.50	
632	THV.C 06380	Đỗ Thị Hồng Loan	28/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	602	6.50	8.50	7.75	22.75	23.00	
633	THV.C 06383	Dương Ngọc Long	16/05/91		Huyện Lập Thạch		2NT	602	5.50	5.50	6.50	17.50	17.50	
634	THV.C 06384	Bùi Thị Lợi	19/05/86	Nữ	Huyện Lạc Sơn	01	1	904	5.50	2.00	6.50	14.00	14.00	
635	THV.C 06385	Nguyễn Thị Luân	05/07/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	602	3.00	3.50	5.75	12.25	12.50	
636	THV.C 06388	Nguyễn Tiến Luận	27/09/89		Huyện Lâm Thao		2	605	3.50	2.50	4.25	10.25	10.50	
637	THV.C 06389	Hoàng Thị Luận	03/09/90	Nữ	Huyện Xín Mần	01	1	904	4.50	1.00	4.75	10.25	10.50	
638	THV.C 06391	Dương Thị Lung	12/07/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	3.00	1.00	1.00	5.00	5.00	
639	THV.C 06394	Vũ Thị Luyến	11/01/89	Nữ	Huyện Văn Bàn		1	605	4.00	3.00	4.50	11.50	11.50	
640	THV.C 06395	Trương Thị Luyến	08/03/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	3.50	2.00	2.25	7.75	8.00	
641	THV.C 06396	Hoàng Thị Luyến	12/07/89	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	602	3.00	5.50	3.00	11.50	11.50	
642	THV.C 06397	Nguyễn Thị Luyến	12/10/91	Nữ	Huyện Phú Xuyên		2NT		4.00	4.50	2.75	11.25	11.50	
643	THV.C 06398	Đào Thị Hồng Luyến	15/03/90	Nữ	Huyện Tam Dương		1	602	5.00	7.50	6.50	19.00	19.00	
644	THV.C 06399	Bùi Thị Luyến	14/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	605	3.50	2.00	6.25	11.75	12.00	
645	THV.C 06402	Nguyễn Thị Lua	04/09/90	Nữ	Huyện Yên Minh	01	1	602	2.50	0.50	2.00	5.00	5.00	
646	THV.C 06403	Bùi Thị Lua	20/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		6.00	2.25	7.50	15.75	16.00	
647	THV.C 06404	Hà Thị Lương	08/06/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	904	4.00	2.00	6.00	12.00	12.00	
648	THV.C 06405	Nguyễn Thị Hiền Lương	28/03/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	602	4.50	1.75	5.75	12.00	12.00	
649	THV.C 06406	Vũ Thị Kim Lương	10/10/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	602	5.00	7.25	7.25	19.50	19.50	
650	THV.C 06408	Trương Thị Thanh Lương	21/11/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường	06	2NT	904	3.00	1.50	3.50	8.00	8.00	
651	THV.C 06409	Nguyễn Thị Lương	10/11/89	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1		3.50	5.75	6.25	15.50	15.50	
652	THV.C 06410	Hoàng Văn Lưu	08/05/91		Huyện Bảo Yên	01	1	904	3.00	1.00	3.50	7.50	7.50	
653	THV.C 06414	Nguyễn Thị Khánh Ly	24/11/89	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	6.00	3.50	6.25	15.75	16.00	
654	THV.C 06416	Đỗ Thị Cẩm My	26/09/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	605	6.00	2.00	5.00	13.00	13.00	
655	THV.C 06417	Vũ Sao Ly	01/10/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	602	4.50	2.50	6.50	13.50	13.50	
656	THV.C 06418	Nguyễn Thị Cẩm Ly	08/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.00	1.75	5.25	10.00	10.00	
657	THV.C 06420	Phan Hà Ly	20/11/90	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	904	4.50	3.50	7.25	15.25	15.50	
658	THV.C 06422	Nguyễn Hà Ly	15/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	605	3.00	1.00	4.50	8.50	8.50	
659	THV.C 06423	Nguyễn Ngọc Lưu Ly	16/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2	904	4.50	2.75	8.00	15.25	15.50	
660	THV.C 06424	Nguyễn Thị Diệu Ly	06/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	605	5.00	1.50	5.75	12.25	12.50	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
661	THV.C 06426	Nguyễn Thị Lý	03/08/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	904	6.00	2.50	7.25	15.75	16.00	
662	THV.C 06427	Âu Thị Lý	05/02/91	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	605	5.00	2.75	7.25	15.00	15.00	
663	THV.C 06428	Đỗ Thị Lý	28/10/91	Nữ	Huyện Nông Công		2NT	605	3.50	1.50	6.00	11.00	11.00	
664	THV.C 06429	Hoàng Thị Minh Lý	23/03/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê	01	1	602	4.00	1.25	5.75	11.00	11.00	
665	THV.C 06430	Trần Thị Mai	01/07/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ	06	2		2.50	0.50	5.50	8.50	8.50	
666	THV.C 06431	Dương Thị Mai	02/01/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	904	4.00	1.00	5.25	10.25	10.50	
667	THV.C 06433	Hà Thị Mai	07/02/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2	904	6.00	3.00	5.50	14.50	14.50	
668	THV.C 06435	Nguyễn Thị Mai	16/06/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	602	4.00	1.00	5.25	10.25	10.50	
669	THV.C 06436	Hà Thị Tuyết Mai	19/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	605	4.00	2.75	8.50	15.25	15.50	
670	THV.C 06438	Nguyễn Thị Mai	03/01/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	904	4.00	0.00	4.00	8.00	8.00	
671	THV.C 06439	Trần Thị Mai	20/07/91	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	904	4.00	1.00	4.50	9.50	9.50	
672	THV.C 06442	Phùng Thị Thanh Mai	02/05/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	602	4.50	4.00	7.50	16.00	16.00	
673	THV.C 06445	Nguyễn Thanh Mai	24/01/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	4.00	3.50	4.00	11.50	11.50	
674	THV.C 06447	Vũ Thị Ngọc Mai	20/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	4.00	3.00	6.00	13.00	13.00	
675	THV.C 06448	Vũ Thị Ngọc Mai	20/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	5.00	3.50	7.50	16.00	16.00	
676	THV.C 06449	Nguyễn Thị Tuyết Mai	08/08/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	602	3.50	7.00	7.75	18.25	18.50	
677	THV.C 06451	Nguyễn Thị Mai	10/06/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	904	2.50	1.50	5.00	9.00	9.00	
678	THV.C 06452	Nguyễn Quỳnh Mai	19/07/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê	01	1	602	4.50	1.50	4.25	10.25	10.50	
679	THV.C 06453	Trương Thị Mai	02/11/89	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	904	3.00	2.25	1.50	6.75	7.00	
680	THV.C 06454	Nguyễn Thị Thanh Mai	10/01/89	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	C68	3.00	3.00	4.75	10.75	11.00	
681	THV.C 06459	Dương Thị Quỳnh Mai	10/03/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	4.00	1.25	5.25	10.50	10.50	
682	THV.C 06462	Bùi Thị Mai	20/01/91	Nữ	Huyện Yên Thủy	01	1	904	4.00	2.25	5.25	11.50	11.50	
683	THV.C 06464	Lê Đức Mạnh	01/11/90		Thị xã Phú Thọ		2	605	3.00	1.75	6.25	11.00	11.00	
684	THV.C 06468	Thân Thị Hồng Mây	06/12/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	605	4.50	2.25	4.25	11.00	11.00	
685	THV.C 06470	Vũ Thị Mây	01/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	602	4.00	6.25	8.25	18.50	18.50	
686	THV.C 06471	Tô Giang Mây	23/04/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	904	6.00	5.75	4.75	16.50	16.50	
687	THV.C 06473	Phan Thị Mến	06/02/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	602	5.00	1.00	6.50	12.50	12.50	
688	THV.C 06475	Nguyễn Thị Miện	10/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	4.50	1.75	6.00	12.25	12.50	
689	THV.C 06479	Châu Văn Minh	05/04/91		Huyện Chiêm Hoá	01	1	605	2.50	1.50	1.00	5.00	5.00	
690	THV.C 06482	Trần Thị Miên	22/04/89	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		3.50	2.50	5.25	11.25	11.50	
691	THV.C 06483	Hà Thị Thúy Mị	25/06/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	605	3.50	1.50	2.75	7.75	8.00	
692	THV.C 06484	Hoàng Thị Mòn	04/11/89	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	904	5.50	1.00	5.75	12.25	12.50	
693	THV.C 06485	Lý Thị Môn	11/07/91	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	904	4.00	2.25	5.25	11.50	11.50	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
694	THV.C 06486	Nguyễn Thị Mùi	16/06/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	3.50	1.50	6.50	11.50	11.50	
695	THV.C 06488	Bùi Thị Mùi	20/07/91	Nữ	Huyện Lạc Sơn	01	1	904	4.00	2.50	7.00	13.50	13.50	
696	THV.C 06489	Nguyễn Thị Kim	19/01/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	6.00	4.25	5.50	15.75	16.00	
697	THV.C 06490	Nguyễn Thị Ngọc	26/03/90	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	904	4.50	0.50	5.00	10.00	10.00	
698	THV.C 06491	Nguyễn Thị Mùi	30/03/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	904	4.00	0.50	5.75	10.25	10.50	
699	THV.C 06492	Đình Mươi	20/07/90		Huyện Thanh Sơn	01	1	602	3.00	1.00	0.75	4.75	5.00	
700	THV.C 06493	Nguyễn Thị Mươi	10/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	4.00	1.00	3.00	8.00	8.00	
701	THV.C 06494	Đình Văn Mừng	05/09/90		Huyện Tân Sơn	01	1	605	2.00	3.75	3.00	8.75	9.00	
702	THV.C 06495	Trần Thị Kiều	08/11/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	904	5.00	3.25	6.25	14.50	14.50	
703	THV.C 06497	Hà Tiểu My	04/10/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	904	3.00	2.00	3.75	8.75	9.00	
704	THV.C 06498	Trần Thị Mỹ	28/12/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	602	4.50	2.00	5.00	11.50	11.50	
705	THV.C 06499	Chu Thị Kim	15/11/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		7.50	6.75	7.50	21.75	22.00	
706	THV.C 06500	Đặng Thị Mỹ	12/12/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	6.00	4.25	6.00	16.25	16.50	
707	THV.C 06501	Phạm Văn Nam	16/01/91		TP. Việt Trì		2		2.50	1.25	1.25	5.00	5.00	
708	THV.C 06503	Tống Thị Thuý	22/10/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	904	4.50	1.75	5.50	11.75	12.00	
709	THV.C 06504	Hoàng Văn Nam	15/02/89		Huyện Mường Khương	01	1	602	3.00	1.50	4.25	8.75	9.00	
710	THV.C 06505	Hoàng Xuân Nam	19/06/90		Huyện Phú Ninh		2NT	605	2.00	1.00	4.25	7.25	7.50	
711	THV.C 06506	Nguyễn Thành Nam	17/08/91		Thị xã Phú Thọ		1		2.00	0.75	3.50	6.25	6.50	
712	THV.C 06507	Khổng Minh Nam	06/11/91		Huyện Lập Thạch		2NT	602	4.00	1.25	5.25	10.50	10.50	
713	THV.C 06509	Nguyễn Tiến Nam	14/01/91		Huyện Đoan Hùng	06	1	602	4.50	7.50	8.00	20.00	20.00	
714	THV.C 06511	Lê Văn Nam	05/01/90		Huyện Yên Lạc		2NT	605	4.00	8.50	8.25	20.75	21.00	
715	THV.C 06513	Lê Xuân Nam	27/01/89		Huyện Lập Thạch		1	605	1.50	0.25	3.00	4.75	5.00	
716	THV.C 06514	Trần Văn Năm	20/08/88		Huyện Tam Đảo	01	1	602	4.00	2.00	3.75	9.75	10.00	
717	THV.C 06515	Vũ Thị Nga	30/09/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	6.50	2.50	5.75	14.75	15.00	
718	THV.C 06516	Cao Thị Thuý	17/07/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	2.00	0.50	3.50	6.00	6.00	
719	THV.C 06517	Nguyễn Quỳnh Nga	23/10/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	602	4.00	0.00	1.75	5.75	6.00	
720	THV.C 06518	Cao Thị Nga	10/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	904	5.00	1.50	3.75	10.25	10.50	
721	THV.C 06519	Đình Thị Hằng Nga	21/11/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1		5.00	2.00	4.25	11.25	11.50	
722	THV.C 06520	Nguyễn Thị Thu Nga	25/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	605	3.00	0.00	5.25	8.25	8.50	
723	THV.C 06521	Đỗ Thị Nga	04/04/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	4.50	1.50	4.50	10.50	10.50	
724	THV.C 06522	Dương Thị Nga	08/08/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	904	5.00	0.75	6.00	11.75	12.00	
725	THV.C 06524	Nguyễn Thị Thanh Nga	21/11/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	904	4.00	0.25	2.00	6.25	6.50	
726	THV.C 06526	Chử Nguyễn Thuý Nga	27/05/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	6.50	2.00	7.00	15.50	15.50	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
727	THV.C 06527	Nguyễn Thị Nga	18/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	4.50	0.75	2.50	7.75	8.00	
728	THV.C 06529	Nguyễn Thị Quỳnh	20/08/89	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	5.00	4.50	3.50	13.00	13.00	
729	THV.C 06530	Đình Thị Quỳnh	12/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	7.50	6.25	6.50	20.25	20.50	
730	THV.C 06531	Vũ Thị	02/12/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2		3.50	0.50	4.00	8.00	8.00	
731	THV.C 06532	Hoàng Thị	19/08/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	904	5.00	7.25	8.75	21.00	21.00	
732	THV.C 06534	Trần Thị Thanh	15/01/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1	605	4.00	0.75	2.50	7.25	7.50	
733	THV.C 06537	Hà Thị Thanh	10/08/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	4.50	2.50	2.25	9.25	9.50	
734	THV.C 06538	Trần Thị Thuý	12/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		4.00	0.50	4.25	8.75	9.00	
735	THV.C 06539	Nguyễn Thị	08/08/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	602	4.00	4.25	5.50	13.75	14.00	
736	THV.C 06540	Trừ Thị	05/10/91	Nữ	Huyện Tam Đảo	01	1	602	4.50	2.00	3.75	10.25	10.50	
737	THV.C 06541	Hoàng Thị Hằng	13/06/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	904	4.00	2.00	2.50	8.50	8.50	
738	THV.C 06542	Hoàng Thị	03/07/91	Nữ	Huyện Tam Đảo	01	1	904	6.00	3.00	4.00	13.00	13.00	
739	THV.C 06543	Hà Thị Thuý	10/12/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	904	3.50	1.00	3.75	8.25	8.50	
740	THV.C 06545	Vũ Thị Thuý	10/06/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1		6.50	8.00	6.75	21.25	21.50	
741	THV.C 06546	Quan Thị	21/09/90	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	602	4.00	2.50	1.00	7.50	7.50	
742	THV.C 06547	Nguyễn Thị	12/03/91	Nữ	Huyện Yên Lạc	06	2NT	904	7.00	6.00	6.75	19.75	20.00	
743	THV.C 06549	Tô Thị	26/05/90	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	904	3.50	1.50	3.50	8.50	8.50	
744	THV.C 06550	Bùi Thị	08/03/91	Nữ	Huyện Quốc Oai		2NT	602	5.50	5.50	7.00	18.00	18.00	
745	THV.C 06551	Dương Thị Kim	29/03/85	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	2	602	3.00	2.00	5.00	10.00	10.00	
746	THV.C 06552	Phan Thị	26/07/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	7.50	3.25	6.25	17.00	17.00	
747	THV.C 06553	Nguyễn Thị Kim	10/09/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	6.00	5.50	7.00	18.50	18.50	
748	THV.C 06554	Nguyễn Thị Thu	10/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	4.50	2.00	4.75	11.25	11.50	
749	THV.C 06558	Hà Thuý	12/11/91	Nữ	Huyện Huyện Thanh		2NT	602	6.00	4.50	6.75	17.25	17.50	
750	THV.C 06559	Nguyễn Thị Kim	13/08/90	Nữ	TP. Việt Trì		1	904	5.00	5.25	5.75	16.00	16.00	
751	THV.C 06561	Nguyễn Thị	06/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	5.50	2.00	6.25	13.75	14.00	
752	THV.C 06562	Nông Thị	30/03/90	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	904	5.00	2.50	4.50	12.00	12.00	
753	THV.C 06563	Hoàng Thị	19/03/91	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	602	6.50	4.50	6.50	17.50	17.50	
754	THV.C 06564	Đỗ Thị	20/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	3.50	1.50	4.75	9.75	10.00	
755	THV.C 06565	Trịnh Thị	24/12/87	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	602	5.50	2.50	5.00	13.00	13.00	
756	THV.C 06566	Dương Thị	03/10/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		4.00	1.00	4.25	9.25	9.50	
757	THV.C 06568	Lê Thị Thuý	14/01/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	3.50	1.00	1.25	5.75	6.00	
758	THV.C 06569	Nguyễn Thị Kim	12/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	5.00	2.50	5.25	12.75	13.00	
759	THV.C 06570	Phùng Thị	05/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	2.00	0.50	2.25	4.75	5.00	

## THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
760	THV.C 06572	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	12/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	6.50	1.50	5.50	13.50	13.50	
761	THV.C 06573	Hoàng Thuý	Ngân	04/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	602	6.50	1.00	3.50	11.00	11.00	
762	THV.C 06575	Nguyễn Đại	Nghĩa	05/07/91		Huyện Cẩm Khê	06	1	605	5.00	1.75	5.75	12.50	12.50	
763	THV.C 06576	Nguyễn Thị	Nghĩa	01/01/91	Nữ	Huyện Yên Lạc	06	2NT	904	7.00	6.50	6.75	20.25	20.50	
764	THV.C 06578	Đình Thị Bé	Ngoan	27/10/90	Nữ	Huyện Báo Thắng		1	602	6.00	3.00	5.00	14.00	14.00	
765	THV.C 06579	Lê Thanh	Ngoan	15/10/78		Huyện Chiêm Hoá		1		4.50	1.00	2.25	7.75	8.00	
766	THV.C 06580	Hà Thị Lan	Ngọc	08/02/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	605	5.00	4.00	5.75	14.75	15.00	
767	THV.C 06581	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	01/10/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	602	2.50	2.00	5.25	9.75	10.00	
768	THV.C 06582	Trần Bích	Ngọc	17/05/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	5.00	1.00	3.00	9.00	9.00	
769	THV.C 06583	Hoàng Thị Bích	Ngọc	13/01/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	605	6.00	4.00	2.25	12.25	12.50	
770	THV.C 06586	Lê Thị Huyền	Ngọc	01/03/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	602	5.00	2.00	3.00	10.00	10.00	
771	THV.C 06588	Phạm Bích	Ngọc	22/04/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	605	4.00	0.50	4.50	9.00	9.00	
772	THV.C 06589	Lê Thị	Ngọc	08/06/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	5.00	3.00	4.50	12.50	12.50	
773	THV.C 06591	Trương Hồng	Ngọc	04/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		4.00	2.50	5.00	11.50	11.50	
774	THV.C 06592	Hoàng Thị	Ngọc	17/12/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	605	3.50	1.00	1.50	6.00	6.00	
775	THV.C 06594	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	10/09/91	Nữ	Huyện Yên Bình	01	1	602	4.50	2.50	4.75	11.75	12.00	
776	THV.C 06595	Nguyễn Thị	Ngọc	06/04/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	605	5.00	1.50	3.75	10.25	10.50	
777	THV.C 06598	Nguyễn Thị	Ngọc	01/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	6.00	1.00	6.00	13.00	13.00	
778	THV.C 06602	Nguyễn Thị	Ngọc	01/11/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	602	4.50	4.50	4.25	13.25	13.50	
779	THV.C 06603	Mai Thị	Ngọc	06/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	602	4.50	2.50	4.75	11.75	12.00	
780	THV.C 06604	Nguyễn Thị Minh	Ngôn	01/11/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	3.50	3.50	5.50	12.50	12.50	
781	THV.C 06607	Phùng Thị	Nguyệt	08/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	904	5.50	2.00	5.25	12.75	13.00	
782	THV.C 06608	Đặng Thị	Nguyệt	03/07/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	605	3.50	0.50	4.75	8.75	9.00	
783	THV.C 06610	Trần Thị	Nguyệt	20/06/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang	01	1	605	4.00	1.25	2.50	7.75	8.00	
784	THV.C 06613	Vi Thị ánh	Nguyệt	08/01/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		4.00	2.75	6.25	13.00	13.00	
785	THV.C 06614	Trần Thị	Nguyệt	07/01/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1		3.50	0.50	3.25	7.25	7.50	
786	THV.C 06617	Trần Thị	Nguyên	14/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	602	5.50	2.50	4.50	12.50	12.50	
787	THV.C 06619	Nguyễn Thị	Nguyệt	30/11/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	6.50	7.00	8.25	21.75	22.00	
788	THV.C 06620	Nguyễn Thị	Nguyệt	08/02/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	605	4.50	1.00	3.25	8.75	9.00	
789	THV.C 06621	Nguyễn Thị	Nhau	08/10/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	904	2.50	1.00	5.00	8.50	8.50	
790	THV.C 06622	Lê Thị	Nhài	01/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	904	3.50	0.75	2.25	6.50	6.50	
791	THV.C 06623	Phan Thị Thanh	Nhàn	14/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	602	4.50	2.75	4.50	11.75	12.00	
792	THV.C 06625	Đình Thị Thanh	Nhàn	17/07/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2NT	605	3.50	0.25	2.25	6.00	6.00	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
793	THV.C 06627	Nguyễn Thị	Nhàn	01/10/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	904	5.50	4.00	6.25	15.75	16.00	
794	THV.C 06628	Nguyễn Thị	Nhàn	12/11/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	4.00	0.00	3.00	7.00	7.00	
795	THV.C 06629	Trần Thị Thanh	Nhã	16/07/89	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	605	5.00	4.00	4.50	13.50	13.50	
796	THV.C 06630	Lò Thị	Nhâm	03/07/90	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1	904	6.00	6.25	5.75	18.00	18.00	
797	THV.C 06631	Tải Văn	Nhất	08/10/89		Huyện Bắc Hà	01	1	602	4.00	3.50	5.75	13.25	13.50	
798	THV.C 06632	Nguyễn Thị	Nhân	27/04/90	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		3.50	0.50	2.50	6.50	6.50	
799	THV.C 06633	Giang Thị	Nhân	14/05/91	Nữ	Thành phố Sơn Tây		2	904	5.00	0.25	2.50	7.75	8.00	
800	THV.C 06636	Hoàng Thị	Nhung	13/11/89	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	602	5.50	3.25	5.50	14.25	14.50	
801	THV.C 06637	Đào Thị Tuyết	Nhung	12/07/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	605	5.00	2.25	5.50	12.75	13.00	
802	THV.C 06638	Nguyễn Thị Huyền	Nhung	16/10/89	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	605	5.00	0.50	5.25	10.75	11.00	
803	THV.C 06641	Hoàng Thị Hồng	Nhung	26/06/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	904	3.50	1.50	4.75	9.75	10.00	
804	THV.C 06642	Nguyễn Thị	Nhung	15/02/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	4.50	1.75	5.75	12.00	12.00	
805	THV.C 06643	Cao Thị Hồng	Nhung	27/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	5.00	5.50	6.75	17.25	17.50	
806	THV.C 06644	Đỗ Thị Hồng	Nhung	09/02/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	904	5.00	2.00	5.00	12.00	12.00	
807	THV.C 06646	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	11/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	3.50	2.75	5.00	11.25	11.50	
808	THV.C 06649	Vũ Thị	Nhung	24/10/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	904	4.50	0.25	4.75	9.50	9.50	
809	THV.C 06650	Lê Thị Hồng	Nhung	08/07/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà	06	1	904	5.00	2.00	4.00	11.00	11.00	
810	THV.C 06652	Nguyễn Thị	Nhung	16/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	605	4.50	0.75	4.75	10.00	10.00	
811	THV.C 06653	Bùi Thị Hồng	Nhung	29/07/91	Nữ	Huyện Yên Thủy	01	1	904	5.50	6.25	6.00	17.75	18.00	
812	THV.C 06655	Nguyễn Thị Diệu	Nhung	17/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	605	4.50	2.00	5.50	12.00	12.00	
813	THV.C 06657	Nguyễn Thị	Nhung	16/10/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1		3.50	0.00	1.75	5.25	5.50	
814	THV.C 06659	Lê Hồng	Nhung	08/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	6.00	3.50	8.25	17.75	18.00	
815	THV.C 06662	Nguyễn Thị	Nhung	26/10/90	Nữ	Huyện Kim Bôi	01	1	602	6.00	4.50	3.75	14.25	14.50	
816	THV.C 06663	Trần Thị Hồng	Nhung	19/01/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	904	5.50	3.00	6.25	14.75	15.00	
817	THV.C 06664	Trần Thị Phương	Nhung	02/01/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	904	5.50	4.50	6.25	16.25	16.50	
818	THV.C 06665	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	27/08/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	602	6.00	8.25	9.00	23.25	23.50	
819	THV.C 06666	Đình Thị	Nhung	16/04/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	602	5.50	6.00	1.25	12.75	13.00	
820	THV.C 06669	Lê Hồng	Nhung	02/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	5.00	2.25	6.25	13.50	13.50	
821	THV.C 06670	Nguyễn Hồng	Nhung	12/07/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	4.50	0.25	4.25	9.00	9.00	
822	THV.C 06671	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch	06	1	904	3.50	0.25	4.75	8.50	8.50	
823	THV.C 06672	Nguyễn Thị	Nhung	14/09/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	605	6.00	2.25	6.50	14.75	15.00	
824	THV.C 06673	Phạm Thị	Nhung	10/04/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	603	3.50	1.50	4.50	9.50	9.50	
825	THV.C 06674	Đình Thị	Nhung	02/06/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy	01	1		4.50	4.00	6.50	15.00	15.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
826	THV.C 06675	Đình Thị	Nhung	15/05/89	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	4.50	1.75	2.00	8.25	8.50	
827	THV.C 06676	Đỗ Thị Hồng	Nhung	14/07/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		5.50	4.75	6.75	17.00	17.00	
828	THV.C 06678	Đào Thị	Như	10/11/90	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	602	6.00	6.25	7.50	19.75	20.00	
829	THV.C 06679	Phùng Thị	Nhường	27/07/91	Nữ	TP. Việt Trì	06	2	602	7.00	5.75	7.75	20.50	20.50	
830	THV.C 06680	Trương Thị Thuỳ	Ninh	21/05/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	602	4.50	3.25	6.50	14.25	14.50	
831	THV.C 06681	Đình Thị	Ninh	25/11/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1		4.50	0.25	4.00	8.75	9.00	
832	THV.C 06682	Lê Thị Thuỳ	Ninh	29/04/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	602	3.00	0.25	3.00	6.25	6.50	
833	THV.C 06683	Hoàng Thị	Niêm	21/08/89	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	602	5.50	1.50	5.25	12.25	12.50	
834	THV.C 06684	Đặng Thị	Nội	07/07/89	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1		4.00	1.25	4.25	9.50	9.50	
835	THV.C 06685	Đặng Thị	Nội	30/11/90	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	602	5.00	1.25	5.25	11.50	11.50	
836	THV.C 06687	Nguyễn Thị	Nụ	27/06/90	Nữ	Huyện Quang Bình	01	1		3.00	0.50	2.75	6.25	6.50	
837	THV.C 06688	Hoàng Thúy	Nụ	06/01/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1		5.00	0.75	6.50	12.25	12.50	
838	THV.C 06689	Ngô Thị	Nụ	22/03/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1		3.50	2.00	5.25	10.75	11.00	
839	THV.C 06691	Hà Minh	Oai	21/01/90		Huyện Văn Chấn		1	602	3.00	5.50	6.75	15.25	15.50	
840	THV.C 06692	Lê Thị Kim	Oanh	08/01/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	602	4.00	3.75	1.50	9.25	9.50	
841	THV.C 06693	Nguyễn Thị	Oanh	05/11/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1	605	4.00	0.50	2.75	7.25	7.50	
842	THV.C 06695	Đỗ Thị Vân	Oanh	07/01/91	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	904	6.00	7.50	7.75	21.25	21.50	
843	THV.C 06696	Lương Quỳnh	Oanh	09/11/91	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	904	4.50	0.25	5.00	9.75	10.00	
844	THV.C 06697	Nguyễn Thị	Oanh	11/08/91	Nữ	Thị xã Hà Giang	01	1	904	4.50	0.25	3.00	7.75	8.00	
845	THV.C 06699	Kim Thị Kiều	Oanh	03/01/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	6.00	6.00	6.50	18.50	18.50	
846	THV.C 06701	Lý Thị	Oanh	04/02/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	605	6.00	4.00	5.50	15.50	15.50	
847	THV.C 06702	Vũ Thị Yến	Oanh	19/10/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	3.50	0.25	3.25	7.00	7.00	
848	THV.C 06703	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	10/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	904	4.50	2.50	4.50	11.50	11.50	
849	THV.C 06704	Hoàng Thị	Oanh	03/10/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	605	4.00	0.50	6.75	11.25	11.50	
850	THV.C 06705	Xên Thị	Phấn	22/02/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	904	5.00	1.75	7.25	14.00	14.00	
851	THV.C 06707	Nông Thị	Phiên	08/02/90	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	602	3.50	1.00	3.50	8.00	8.00	
852	THV.C 06709	Hà Thị	Phúc	10/12/90	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	602	3.00	0.75	1.50	5.25	5.50	
853	THV.C 06710	Dương Đình	Phúc	21/10/89		Huyện Lục Yên	01	1	602	3.50	1.25	3.00	7.75	8.00	
854	THV.C 06711	Đình Thị Lan	Phương	20/08/91	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT		3.50	0.00	1.50	5.00	5.00	
855	THV.C 06712	Lã Thị Minh	Phương	02/02/88	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		6.00	5.50	8.00	19.50	19.50	
856	THV.C 06713	Đặng Thị	Phương	19/11/89	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	602	3.00	0.25	4.50	7.75	8.00	
857	THV.C 06714	Nguyễn Thị	Phương	24/02/90	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	602	4.50	3.75	6.00	14.25	14.50	
858	THV.C 06717	Đào Thị Lan	Phương	27/11/90	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	904	4.00	1.50	3.75	9.25	9.50	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
859	THV.C 06719	Nguyễn Thị Phương	25/05/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	602	5.00	1.00	5.50	11.50	11.50	
860	THV.C 06720	Nguyễn Thị Phương	30/11/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	904	4.50	5.25	7.50	17.25	17.50	
861	THV.C 06723	Lê Thị Minh	18/06/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	904	4.00	0.00	5.00	9.00	9.00	
862	THV.C 06724	Hoàng Thị Minh	23/09/91	Nữ	Thị xã Phúc Yên		2	904	5.00	0.50	5.25	10.75	11.00	
863	THV.C 06725	Bùi Bích	25/07/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	904	4.50	0.50	1.25	6.25	6.50	
864	THV.C 06728	Vân Thị	14/08/90	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	4.00	7.50	8.00	19.50	19.50	
865	THV.C 06729	Nguyễn Thị Thu	08/01/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	904	5.50	3.75	5.25	14.50	14.50	
866	THV.C 06730	Trương Thị	22/05/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	4.50	1.75	7.25	13.50	13.50	
867	THV.C 06731	Hà Thị	14/11/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	904	4.50	0.50	3.25	8.25	8.50	
868	THV.C 06732	Đỗ Minh	11/10/91		Huyện Cẩm Khê	04	1	602	2.50	0.75	1.50	4.75	5.00	
869	THV.C 06733	Hoàng Thị	26/05/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	602	6.50	6.00	6.50	19.00	19.00	
870	THV.C 06735	Hoàng Thị Thuý	09/07/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	602	4.00	2.50	5.25	11.75	12.00	
871	THV.C 06736	Hoàng Thị Minh	02/04/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	C68	3.50	0.00	3.25	6.75	7.00	
872	THV.C 06737	Hà Thị	25/08/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	602	5.00	2.50	5.25	12.75	13.00	
873	THV.C 06738	Trần Văn	28/04/90		Huyện Trúc Ninh		2NT	605	3.50	2.75	6.00	12.25	12.50	
874	THV.C 06739	Lê Thị	30/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	6.50	2.00	6.50	15.00	15.00	
875	THV.C 06740	Hoàng Thị	28/03/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	904	3.50	0.50	4.25	8.25	8.50	
876	THV.C 06741	Nguyễn Thị	12/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	602	4.00	0.50	2.00	6.50	6.50	
877	THV.C 06747	Đặng Bích	28/02/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	4.00	2.50	4.25	10.75	11.00	
878	THV.C 06748	Nguyễn Thị	21/05/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	904	5.50	5.00	6.00	16.50	16.50	
879	THV.C 06749	Nguyễn Thị Bích	16/07/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	2.50	0.00	0.50	3.00	3.00	
880	THV.C 06751	Hà Thị	05/12/91	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	904	3.00	0.50	2.25	5.75	6.00	
881	THV.C 06753	Bùi Hồng	26/03/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	904	5.00	3.25	5.00	13.25	13.50	
882	THV.C 06757	Nguyễn Thị	23/06/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	4.50	1.00	3.75	9.25	9.50	
883	THV.C 06758	Phạm Thị	03/10/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	4.50	1.75	5.75	12.00	12.00	
884	THV.C 06759	Bùi Thị	08/01/88	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	602	4.00	6.00	5.25	15.25	15.50	
885	THV.C 06762	Nguyễn Thị	24/08/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	4.50	0.75	3.00	8.25	8.50	
886	THV.C 06763	Linh Văn	20/10/90		Huyện Bắc Quang	01	1		1.00	3.50	5.50	10.00	10.00	
887	THV.C 06765	Vũ	13/12/89		Huyện Thanh Ba		1	605	3.50	3.50	4.75	11.75	12.00	
888	THV.C 06767	Nguyễn Thái	28/04/91		Thị xã Phú Thọ		2	605	0.50	0.50	4.50	5.50	5.50	
889	THV.C 06768	Trần Hữu	18/03/91		Huyện Lâm Thao		1	602	2.00	3.25	5.50	10.75	11.00	
890	THV.C 06769	Lê Hồng	07/03/90		Huyện Phù Ninh		2	605	1.50	2.00	3.00	6.50	6.50	
891	THV.C 06772	Nguyễn Hữu	17/12/91		Huyện Thanh Ba		1	602	1.50	4.25	5.50	11.25	11.50	

## THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
892	THV.C 06774	Đỗ Thị Hồng	Quế	21/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		2.50	0.50	3.50	6.50	6.50	
893	THV.C 06779	Ngọc Thị Lê	Quyên	09/03/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	5.50	5.50	6.25	17.25	17.50	
894	THV.C 06781	Nguyễn Thị	Quyên	10/02/90	Nữ	Huyện Yên Bình	01	1	904	2.00	1.00	2.00	5.00	5.00	
895	THV.C 06783	Ngô Văn	Quyết	27/07/91		Huyện Quang Bình		1	602	4.00	0.75	5.25	10.00	10.00	
896	THV.C 06786	Lê Tiến	Quyết	14/03/91		Thị xã Phú Thọ		2	605	3.00	1.25	3.50	7.75	8.00	
897	THV.C 06789	Hà Cao	Quý	01/04/90		Huyện Hạ Hoà	06	1		1.50	4.00	2.00	7.50	7.50	
898	THV.C 06790	Liu A	Quý	01/12/91		Huyện Mường Khương	01	1	602	2.50	2.50	5.50	10.50	10.50	
899	THV.C 06791	Hà Văn	Quý	26/09/89		Huyện Chiêm Hoá	01	1		0.50	0.50	1.00	2.00	2.00	
900	THV.C 06792	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	27/11/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		5.50	2.75	4.75	13.00	13.00	
901	THV.C 06793	Nguyễn Thị Thuý	Quỳnh	13/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	5.50	1.00	5.25	11.75	12.00	
902	THV.C 06794	Nguyễn Thị	Quỳnh	12/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	602	6.00	3.00	6.50	15.50	15.50	
903	THV.C 06795	Nguyễn Thị	Quỳnh	16/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	5.50	2.00	6.00	13.50	13.50	
904	THV.C 06796	Nguyễn Thị Thu	Quỳnh	01/05/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	904	6.00	5.50	1.75	13.25	13.50	
905	THV.C 06797	Nguyễn Thị	Quỳnh	19/07/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	602	4.50	8.00	6.25	18.75	19.00	
906	THV.C 06798	Quách Thị	Quỳnh	12/09/91	Nữ	Huyện Lạc Thủy	01	1	904	4.50	1.00	4.00	9.50	9.50	
907	THV.C 06799	Đặng Thị	Quỳnh	11/11/89	Nữ	Huyện Chiêm Hoá		1	605	4.00	3.00	4.50	11.50	11.50	
908	THV.C 06800	Nguyễn Thị	Quỳnh	25/07/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		3.00	4.00	5.00	12.00	12.00	
909	THV.C 06801	Nguyễn Như	Quỳnh	18/12/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	904	3.00	1.00	2.50	6.50	6.50	
910	THV.C 06802	Trương Thị Như	Quỳnh	04/08/89	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1		5.00	6.00	4.50	15.50	15.50	
911	THV.C 06803	Dương Thị	Quỳnh	19/07/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	602	4.00	5.00	5.75	14.75	15.00	
912	THV.C 06805	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	27/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	6.00	3.75	6.00	15.75	16.00	
913	THV.C 06806	Hà Thị Thu	Quỳnh	28/06/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	904	5.50	4.50	6.25	16.25	16.50	
914	THV.C 06808	Vi Thị Xuân	Quỳnh	20/12/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	904	5.50	6.25	7.75	19.50	19.50	
915	THV.C 06810	Vi Mạnh	Quỳnh	16/03/91		Huyện Thanh Ba		2	C68	4.00	2.50	5.25	11.75	12.00	
916	THV.C 06811	Phạm Thị Mai	Quỳnh	05/08/90	Nữ	Huyện Lục Yên		1	904	5.00	5.25	6.00	16.25	16.50	
917	THV.C 06812	Vũ Nguyễn Thị	Quỳnh	19/12/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	602	5.50	5.00	6.25	16.75	17.00	
918	THV.C 06813	Hà Thị	Sang	24/11/90	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	904	4.00	1.00	5.50	10.50	10.50	
919	THV.C 06814	Nguyễn Văn	Sang	29/10/91		Thành phố Vĩnh Yên		2	605	2.50	1.00	4.25	7.75	8.00	
920	THV.C 06815	Nguyễn Văn	Sang	02/06/89		Huyện Yên Lập	01	1	904	2.00	1.50	4.00	7.50	7.50	
921	THV.C 06816	Chu Tiến	Sang	11/11/89		Huyện Đoan Hùng		1	602	4.00	8.00	6.75	18.75	19.00	
922	THV.C 06817	Hà Mai	Sao	07/11/91	Nữ	Huyện Trấn Yên	01	1	904	7.00	5.75	7.50	20.25	20.50	
923	THV.C 06818	Âu Thị	Sao	14/05/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	904	2.50	3.00	6.00	11.50	11.50	
924	THV.C 06819	Hoàng Thị Thanh	Sao	07/08/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	4.00	3.50	6.00	13.50	13.50	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
925	THV.C 06820	Khổng Thị	Sáu	13/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1		3.50	2.75	6.00	12.25	12.50	
926	THV.C 06821	Lục Thị	Sen	10/07/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	904	4.00	0.25	4.75	9.00	9.00	
927	THV.C 06823	Đào Thị Hồng	Sen	09/04/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	904	4.50	3.00	6.00	13.50	13.50	
928	THV.C 06824	Nguyễn Thị	Sen	05/06/90	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	6.00	3.25	6.50	15.75	16.00	
929	THV.C 06825	Nguyễn Thị	Sim	18/04/89	Nữ	Huyện Quang Bình	01	1	904	4.50	2.00	4.25	10.75	11.00	
930	THV.C 06826	Trần Thị	Sim	26/04/91	Nữ	Huyện Hàm Yên		1		3.50	3.75	6.50	13.75	14.00	
931	THV.C 06827	Trần Thị	Sinh	26/06/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	602	3.50	0.50	2.50	6.50	6.50	
932	THV.C 06828	Nguyễn Thị Tuyết	Sinh	25/04/89	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		6.00	0.50	4.75	11.25	11.50	
933	THV.C 06829	Phan Thị	Sinh	11/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	4.00	3.75	5.75	13.50	13.50	
934	THV.C 06832	Lê Anh	Sơn	28/07/91		TP. Việt Trì		2	904	3.50	2.25	5.50	11.25	11.50	
935	THV.C 06836	Vi Văn	Sơn	15/09/90		Huyện Thanh Ba		1	602	5.50	6.50	7.00	19.00	19.00	
936	THV.C 06837	Hoàng Thị	Sơn	06/05/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	904	3.50	1.75	4.25	9.50	9.50	
937	THV.C 06838	Nguyễn Bảo	Sơn	24/11/91		TP. Việt Trì		2	904	5.50	2.50	5.50	13.50	13.50	
938	THV.C 06839	Kim Thị	Su	13/02/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	5.00	3.00	5.50	13.50	13.50	
939	THV.C 06841	Giàng Seo	Sùng	13/08/89		Huyện Bảo Yên	01	1		2.00	2.75	3.75	8.50	8.50	
940	THV.C 06843	Nguyễn Văn	Sỹ	16/06/91		Huyện Lập Thạch		1	602	5.50	1.00	3.50	10.00	10.00	
941	THV.C 06844	Nguyễn Đặng	Sỹ	01/12/88		Huyện Cẩm Khê		2NT	904	5.00	5.25	7.75	18.00	18.00	
942	THV.C 06845	Lê Thị	Tám	14/05/90	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	904	3.00	0.50	3.00	6.50	6.50	
943	THV.C 06849	Vũ Văn	Tâm	25/01/90		Huyện Thanh Ba		1	605	4.00	3.50	6.75	14.25	14.50	
944	THV.C 06850	Nguyễn Thị Minh	Tâm	01/02/90	Nữ	TP. Việt Trì	06	2		5.50	0.50	5.00	11.00	11.00	
945	THV.C 06851	Lê Thị Minh	Tâm	16/11/90	Nữ	Huyện Thanh Ba	06	1	605	5.50	2.25	5.50	13.25	13.50	
946	THV.C 06852	Lê Thanh	Tâm	19/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	602	5.00	0.75	5.00	10.75	11.00	
947	THV.C 06853	Trần Đức	Tâm	22/10/91		Thị xã Phú Thọ		2	602	3.50	1.00	5.00	9.50	9.50	
948	THV.C 06856	Vũ Minh	Tâm	31/07/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	4.50	1.50	3.50	9.50	9.50	
949	THV.C 06858	Hoàng Thị Minh	Tâm	27/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	602	5.50	1.25	1.75	8.50	8.50	
950	THV.C 06859	Hà Thị	Tâm	12/11/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	904	3.50	1.75	5.25	10.50	10.50	
951	THV.C 06861	Vũ Thị Thanh	Tâm	19/04/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	602	4.00	0.25	2.75	7.00	7.00	
952	THV.C 06862	Trần Thị	Tâm	20/05/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	904	2.00	0.00	3.00	5.00	5.00	
953	THV.C 06864	Đặng Thanh	Tâm	26/01/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	605	4.50	0.75	1.00	6.25	6.50	
954	THV.C 06865	Hứa Thị	Tâm	24/11/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	904	5.50	6.75	7.25	19.50	19.50	
955	THV.C 06866	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	14/03/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	4.50	1.75	4.50	10.75	11.00	
956	THV.C 06868	Bùi Thị	Tâm	20/12/91	Nữ	Huyện Yên Thủy	01	1	602	4.50	4.75	6.75	16.00	16.00	
957	THV.C 06870	Phạm Quang	Tân	07/09/91		Huyện Thanh Ba		1		4.50	2.50	6.00	13.00	13.00	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
958	THV.C 06871	Nguyễn Thị Tân	14/03/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	6.00	4.50	6.50	17.00	17.00	
959	THV.C 06872	Phùng Thị Tân	20/11/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	602	4.50	2.00	4.25	10.75	11.00	
960	THV.C 06873	Bùi Thị Tân	22/08/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	904	5.00	0.50	4.00	9.50	9.50	
961	THV.C 06876	Vy Ngọc Tân	30/08/82		TP. Việt Trì		2	605	4.00	3.25		7.25	7.50	
962	THV.C 06878	Nguyễn Thị Tân	18/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	4.00	3.25	5.00	12.25	12.50	
963	THV.C 06879	Chu Thị Hồng Tân	14/03/91	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	605	4.50	0.75	5.25	10.50	10.50	
964	THV.C 06881	Bùi Thị Thanh	11/11/91	Nữ	Huyện Lạc Thủy	01	1	904	5.50	0.50	4.00	10.00	10.00	
965	THV.C 06882	Nguyễn Văn Thanh	20/06/91		Huyện Phù Ninh		1	602	5.00	3.50	6.75	15.25	15.50	
966	THV.C 06888	Trần Thị Thanh	20/12/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	605	7.00	2.25	7.50	16.75	17.00	
967	THV.C 06891	Cao Thị Thanh	10/05/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	602	6.00	5.00	5.00	16.00	16.00	
968	THV.C 06892	Vương Thị Thanh	05/06/91	Nữ	Huyện Tam Dương		1	904	4.00	2.00	5.50	11.50	11.50	
969	THV.C 06893	Hà Thị Thanh	20/01/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	602	3.50	2.00	4.25	9.75	10.00	
970	THV.C 06894	Trần Thị Thanh	01/05/90	Nữ	Huyện Bát Xát		1		3.50	1.00	5.25	9.75	10.00	
971	THV.C 06896	Nguyễn Minh Thái	27/09/91		Huyện Lập Thạch		1	605	2.50	4.00	6.25	12.75	13.00	
972	THV.C 06897	Kim Thị Thái	23/06/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	602	5.00	3.50	6.00	14.50	14.50	
973	THV.C 06899	Đình Thị Thành	02/12/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	2.00	1.50	3.00	6.50	6.50	
974	THV.C 06900	Nguyễn Văn Thành	29/05/91		TP. Việt Trì	03	2	605	3.00	0.00	4.00	7.00	7.00	
975	THV.C 06901	Bùi Văn Thành	27/07/90		Huyện Lạc Sơn	01	1	602	3.00	2.50	5.00	10.50	10.50	
976	THV.C 06903	Chu Thị Thành	25/07/89	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	904	5.50	6.50	4.75	16.75	17.00	
977	THV.C 06905	Trần Thị Thảo	05/03/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	5.00	7.50	8.00	20.50	20.50	
978	THV.C 06906	Phùng Thị Vân Thảo	23/06/90	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	605	2.50	2.50	4.25	9.25	9.50	
979	THV.C 06907	Đỗ Thanh Thảo	06/08/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	602	2.50	0.50	3.00	6.00	6.00	
980	THV.C 06908	Hoàng Thị Phương Thảo	10/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		4.00	1.00	5.75	10.75	11.00	
981	THV.C 06910	Dương Thị Bích Thảo	21/08/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	5.50	7.50	6.50	19.50	19.50	
982	THV.C 06911	Trần Thị Phương Thảo	10/02/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	602	3.00	2.00	2.75	7.75	8.00	
983	THV.C 06912	Trần Thị Thu Thảo	11/07/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	4.50	2.00	3.75	10.25	10.50	
984	THV.C 06913	Đỗ Thị Thảo	19/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		4.00	7.50	6.50	18.00	18.00	
985	THV.C 06914	Nguyễn Thị Thanh Thảo	12/03/89	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		5.50	7.00	5.75	18.25	18.50	
986	THV.C 06915	Phan Thanh Thảo	27/05/90	Nữ	Huyện Tân Sơn		2NT	602	4.50	3.50	4.50	12.50	12.50	
987	THV.C 06916	Nguyễn Thị Thanh Thảo	15/12/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	602	6.00	4.00	8.25	18.25	18.50	
988	THV.C 06917	Tạ Thị Thu Thảo	04/01/92	Nữ	TP. Việt Trì		2		5.50	4.00	4.75	14.25	14.50	
989	THV.C 06919	Nguyễn Thị Thảo	20/10/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	602	5.50	4.50	5.25	15.25	15.50	
990	THV.C 06920	Nguyễn Thị Thảo	24/06/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	6.00	1.50	3.25	10.75	11.00	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
991	THV.C 06921	Nguyễn Thị Hương	Thảo	06/01/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	602	5.00	3.00	6.25	14.25	14.50
992	THV.C 06923	Trần Thị	Thảo	02/12/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang	01	1	904	5.00	1.50	6.25	12.75	13.00
993	THV.C 06924	Hoàng Thị	Thảo	22/03/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	904	5.00	4.00	5.50	14.50	14.50
994	THV.C 06925	Trần Thị	Thảo	26/06/89	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	904	2.00	1.50	2.50	6.00	6.00
995	THV.C 06927	Hà Thị Thanh	Thảo	26/12/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		4.50	1.00	4.50	10.00	10.00
996	THV.C 06928	Nguyễn Thu	Thảo	27/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	904	4.50	2.50	7.00	14.00	14.00
997	THV.C 06929	Đào Thị	Thảo	01/10/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	605	5.50	5.00	6.75	17.25	17.50
998	THV.C 06932	Nguyễn Thị Bích	Thảo	07/07/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy	01	1		4.00	1.50	2.50	8.00	8.00
999	THV.C 06934	Đỗ Thị Thu	Thảo	10/02/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	602	2.00	0.00	3.00	5.00	5.00
1000	THV.C 06935	Nguyễn Thị	Thảo	09/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	602	4.50	1.00	5.25	10.75	11.00
1001	THV.C 06936	Phùng Thị Thanh	Thảo	15/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	4.00	0.50	1.50	6.00	6.00
1002	THV.C 06937	Đỗ Thị Phương	Thảo	01/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	4.50	1.50	2.75	8.75	9.00
1003	THV.C 06938	Nguyễn Thị	Thảo	28/12/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	4.00	2.00	2.25	8.25	8.50
1004	THV.C 06939	Nguyễn Thị Thu	Thảo	21/09/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	3.50	0.00	1.25	4.75	5.00
1005	THV.C 06940	Nguyễn Thị	Thảo	11/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	602	3.50	1.50	3.50	8.50	8.50
1006	THV.C 06941	Nguyễn Thị Bích	Thảo	20/03/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	4.00	7.00	6.75	17.75	18.00
1007	THV.C 06942	Trần Thị Hồng	Thắm	16/08/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	602	2.00	3.00	6.00	11.00	11.00
1008	THV.C 06945	Trần Thị	Thắm	02/09/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	605	1.00	3.00	2.00	6.00	6.00
1009	THV.C 06947	Phạm Thị Hồng	Thắm	23/05/90	Nữ	Huyện Văn Yên		1	904	2.00	1.00	3.75	6.75	7.00
1010	THV.C 06948	Lại Thị	Thắm	27/06/91	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	602	4.50	1.50	7.00	13.00	13.00
1011	THV.C 06950	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	22/05/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		4.50	2.50	3.25	10.25	10.50
1012	THV.C 06956	Vũ Quốc	Thắng	19/09/91		Huyện Bảo Yên		1	904	2.00	2.00	3.00	7.00	7.00
1013	THV.C 06958	Bàng Xuân	Thắng	11/04/90		Huyện Tam Đảo	01	1	602	3.50	0.50	3.50	7.50	7.50
1014	THV.C 06959	Vi Văn	Thắng	26/07/90		Huyện Na Hang	01	1	602	3.00	0.25	1.00	4.25	4.50
1015	THV.C 06960	Lã Việt	Thắng	02/04/89		TP. Việt Trì		2NT	602	3.50	3.00	3.75	10.25	10.50
1016	THV.C 06962	Nguyễn Hoàng	Thắng	29/09/89		TP. Việt Trì		2	602	4.00	2.00	4.75	10.75	11.00
1017	THV.C 06964	Hà Thị	Thắng	14/05/89	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	904	4.00	4.75	5.25	14.00	14.00
1018	THV.C 06967	Nguyễn Thị	Thềm	22/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	6.50	4.25	8.75	19.50	19.50
1019	THV.C 06969	Phùng Cao	Thế	25/08/91		Huyện Phù Ninh		1	605	3.00	0.50	5.50	9.00	9.00
1020	THV.C 06970	Chu Thị	Thiện	01/10/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	7.00	3.00	6.75	16.75	17.00
1021	THV.C 06971	Triệu Thị	Thìn	25/01/91	Nữ	Huyện Trần Yên	01	1	602	4.50	0.25	5.75	10.50	10.50
1022	THV.C 06974	Nguyễn Thị	Thịnh	15/10/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		5.50	1.25	5.25	12.00	12.00
1023	THV.C 06976	Nguyễn Thị Kim	Thoa	27/06/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	602	4.00	2.50	7.75	14.25	14.50

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1024	THV.C 06978	Nguyễn Thị	Thoa	03/07/91	Nữ	Huyện Mường Khương		1	904	5.00	2.50	7.25	14.75	15.00	
1025	THV.C 06980	Nguyễn Thị Kim	Thoa	01/01/80	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	904	2.00	0.25	1.50	3.75	4.00	
1026	THV.C 06981	Nguyễn Thị Kim	Thoan	14/01/89	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.50	6.25	6.00	15.75	16.00	
1027	THV.C 06982	Trần Đức	Thọ	02/01/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	602	5.00	7.25	7.50	19.75	20.00	
1028	THV.C 06983	Vũ Văn	Thọ	05/07/91		Huyện Mường Khương		1	602	3.00	4.75	6.00	13.75	14.00	
1029	THV.C 06984	Nguyễn Thị Minh	Thọ	14/09/91	Nữ	Huyện Hoàng Su Phì		1		2.50	1.25	4.25	8.00	8.00	
1030	THV.C 06985	Giàng A	Thống	20/10/89		Huyện Sa Pa	01	1	602	3.00	3.75	6.50	13.25	13.50	
1031	THV.C 06986	Đỗ Thị	Thơ	15/01/89	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	4.50	2.50	6.00	13.00	13.00	
1032	THV.C 06987	Mai Thị	Thơm	04/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	6.00	0.75	7.25	14.00	14.00	
1033	THV.C 06988	Vũ Thị Thuý	Thơm	30/04/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	4.50	1.00	6.25	11.75	12.00	
1034	THV.C 06989	Quách Thị	Thơm	15/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	602	5.50	2.50	8.00	16.00	16.00	
1035	THV.C 06991	Hồ Thị Bích	Thơm	07/02/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	602	5.00	5.50	5.50	16.00	16.00	
1036	THV.C 06992	Vũ Thị	Thơm	19/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	602	5.50	1.50	6.75	13.75	14.00	
1037	THV.C 06993	Đình Ngọc	Thơm	09/08/91		Huyện Thanh Sơn	01	1	602	3.00	3.50	5.50	12.00	12.00	
1038	THV.C 06995	Nguyễn Thị	Thu	09/08/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		3.00	0.25	3.25	6.50	6.50	
1039	THV.C 06998	Đào Thị	Thu	16/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	4.00	0.25	2.50	6.75	7.00	
1040	THV.C 06999	Trần Thị Kim	Thu	09/06/91	Nữ	Huyện Chiêm Hoá		1	904	4.00	1.25	3.50	8.75	9.00	
1041	THV.C 07000	Nguyễn Thị	Thu	11/09/91	Nữ	Huyện Quang Bình	01	1	602	2.00	1.00	4.50	7.50	7.50	
1042	THV.C 07001	Phan Thị Kim	Thu	21/09/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	904	4.00	2.25	7.00	13.25	13.50	
1043	THV.C 07002	Nguyễn Thị	Thu	17/06/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	904	4.00	2.50	6.75	13.25	13.50	
1044	THV.C 07003	Trần Thị Minh	Thu	10/03/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		3.50	2.00	4.75	10.25	10.50	
1045	THV.C 07004	Nguyễn Thị	Thu	18/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	4.50	3.75	8.25	16.50	16.50	
1046	THV.C 07005	Nguyễn Thị	Thu	26/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	4.00	1.50	6.25	11.75	12.00	
1047	THV.C 07006	Thạch Thị Kim	Thu	02/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	605	4.50	1.50	3.50	9.50	9.50	
1048	THV.C 07007	Dương Thị	Thu	16/04/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy	06	1		3.00	0.25	1.25	4.50	4.50	
1049	THV.C 07008	Nguyễn Thị	Thu	20/01/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	C68	3.50	2.00	5.25	10.75	11.00	
1050	THV.C 07009	Ngô Thị	Thu	22/12/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	904	2.00	0.75	5.00	7.75	8.00	
1051	THV.C 07012	Trần Thị	Thu	20/03/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	5.00	4.50	8.25	17.75	18.00	
1052	THV.C 07013	Đình Thị	Thu	02/01/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	904	4.50	1.50	6.00	12.00	12.00	
1053	THV.C 07015	Lê Thị	Thu	18/12/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	605	3.00	0.25	4.00	7.25	7.50	
1054	THV.C 07019	Vũ Thị	Thu	14/08/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	602	4.00	7.00	8.00	19.00	19.00	
1055	THV.C 07020	Bùi Thị	Thu	23/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	605	4.00	2.75	5.50	12.25	12.50	
1056	THV.C 07022	Trần Thị Hồng	Thu	09/11/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	C68	4.00	4.50	5.25	13.75	14.00	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1057	THV.C 07023	Phan Thị Thu	24/01/90	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	6.00	7.75	7.00	20.75	21.00	
1058	THV.C 07024	Bùi Thị Thu	04/08/91	Nữ	Huyện Lạc Sơn	01	1	904	4.00	0.75	3.25	8.00	8.00	
1059	THV.C 07027	Nguyễn Thị Thuần	05/11/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		5.00	4.50	5.50	15.00	15.00	
1060	THV.C 07028	Lê Thị Thuận	07/02/91	Nữ	Huyện Bắc Hà		1		5.50	1.00	6.25	12.75	13.00	
1061	THV.C 07029	Đình Văn Thuận	12/12/90		Huyện Yên Lập	01	1	602	4.00	2.00	6.75	12.75	13.00	
1062	THV.C 07030	Lê Đức Thuận	19/08/91		Huyện Lục Yên	01	1	904	4.00	0.50	3.75	8.25	8.50	
1063	THV.C 07031	Trần Văn Thuận	18/08/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	602	3.50	1.00	4.50	9.00	9.00	
1064	THV.C 07033	Nguyễn Thị Hồng Thuận	28/09/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	904	3.00	0.00	0.75	3.75	4.00	
1065	THV.C 07034	Chu Thị Thuận	28/06/91	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	605	4.50	0.75	6.50	11.75	12.00	
1066	THV.C 07035	Nguyễn Đức Thuận	26/08/91		Huyện Tam Nông		1	904	2.00	0.00	3.00	5.00	5.00	
1067	THV.C 07036	Nguyễn Thị Hồng Thuý	22/10/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	605	5.00	2.50	4.25	11.75	12.00	
1068	THV.C 07037	Vi Thị Thanh Thuý	26/05/88	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	904	3.50	0.50	4.00	8.00	8.00	
1069	THV.C 07038	Nguyễn Thị Thuý	24/05/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	4.00	1.75	3.25	9.00	9.00	
1070	THV.C 07039	Nguyễn Thị Phương Thuý	11/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	904	4.50	1.00	4.25	9.75	10.00	
1071	THV.C 07040	Nguyễn Thị Thuý	13/02/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	602	5.00	6.75	7.00	18.75	19.00	
1072	THV.C 07041	Đình Thị Thuý	01/06/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	904	2.50	0.00	4.50	7.00	7.00	
1073	THV.C 07042	Phùng Thị Phương Thuý	06/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	602	4.50	0.00	2.25	6.75	7.00	
1074	THV.C 07043	Lê Thị Thuý	16/12/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	602	3.00	3.00	2.00	8.00	8.00	
1075	THV.C 07044	Nguyễn Minh Thuý	10/06/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	904	4.00	2.00	2.50	8.50	8.50	
1076	THV.C 07045	Nguyễn Thị Minh Thuý	13/08/89	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	602	3.50	3.00	5.25	11.75	12.00	
1077	THV.C 07046	Trần ái Thuý	08/11/88	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	602	5.00	1.50	4.75	11.25	11.50	
1078	THV.C 07049	Đỗ Thị Thuý	20/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	605	5.00	1.00	3.50	9.50	9.50	
1079	THV.C 07050	Hoàng Thị Ngọc Thuý	23/05/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	904	3.50	1.50	4.25	9.25	9.50	
1080	THV.C 07051	Nguyễn Thị Minh Thuý	22/09/90	Nữ	TP. Việt Trì	06	2	602	3.50	4.00	3.50	11.00	11.00	
1081	THV.C 07053	Tạ Văn Thuý	10/02/91		Huyện Cẩm Khê		2NT		4.50	7.50	7.50	19.50	19.50	
1082	THV.C 07054	Đình Thị Lệ Thuý	18/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	602	6.00	5.00	6.75	17.75	18.00	
1083	THV.C 07056	Nguyễn Thị Bích Thuý	22/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		5.50	1.00	6.00	12.50	12.50	
1084	THV.C 07057	Phạm Thị Thuý	19/08/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	3.50	1.00	5.75	10.25	10.50	
1085	THV.C 07058	Nguyễn Thị Thuý	27/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	602	5.00	2.00	2.50	9.50	9.50	
1086	THV.C 07059	Hoàng Minh Thuý	22/07/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	904	6.50	6.50	4.25	17.25	17.50	
1087	THV.C 07060	Ngô Thị Thuý	12/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	3.50	0.00	2.25	5.75	6.00	
1088	THV.C 07061	Lưu Thị Thuý	17/10/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	602	3.00	0.00	3.75	6.75	7.00	
1089	THV.C 07063	Nhâm Thị Thu Thuý	01/12/88	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		6.00	8.00	7.00	21.00	21.00	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1090	THV.C 07065	Đặng Thị Thuỷ	21/01/91	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2NT	904	5.00	3.00	5.25	13.25	13.50	
1091	THV.C 07066	Nguyễn Thị Thu	06/03/89	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	602	4.50	3.50	6.00	14.00	14.00	
1092	THV.C 07067	Nguyễn Thị Thuỷ	15/07/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		6.00	5.50	7.75	19.25	19.50	
1093	THV.C 07068	Lục Thị Thuỷ	01/04/87	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	602	3.00	5.00	5.25	13.25	13.50	
1094	THV.C 07069	Nguyễn Thanh Thuỷ	20/04/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	602	3.00	2.50	4.75	10.25	10.50	
1095	THV.C 07070	Nguyễn Thị Thuỷ	05/08/90	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	602	2.50	0.50	2.75	5.75	6.00	
1096	THV.C 07071	Vũ Thị Thuỷ	03/08/90	Nữ	Huyện Văn Bàn		1	904	5.00	0.50	3.25	8.75	9.00	
1097	THV.C 07072	Trần Thu Thuỷ	08/06/91	Nữ	Huyện Lạc Thuỷ		1	904	5.50	1.50	4.75	11.75	12.00	
1098	THV.C 07073	Đỗ Thị Thu Thuỷ	12/09/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	602	5.50	5.00	5.75	16.25	16.50	
1099	THV.C 07074	Nguyễn Thị Thuỷ	10/06/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	6.00	4.25	5.75	16.00	16.00	
1100	THV.C 07075	Lê Thị Thu Thuỷ	20/09/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	602	4.50	1.00	5.50	11.00	11.00	
1101	THV.C 07076	Khổng Thị Thu Thuỷ	15/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	602	5.50	3.00	6.75	15.25	15.50	
1102	THV.C 07079	Nguyễn Thị Thuỷ	11/11/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	605	4.50	1.50	2.75	8.75	9.00	
1103	THV.C 07080	Bùi Thị Thuỷ	27/08/91	Nữ	Huyện Yên Thủy	01	1	904	5.00	2.75	5.75	13.50	13.50	
1104	THV.C 07082	Phan Thị Thuỷ	01/06/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		4.50	1.75	4.00	10.25	10.50	
1105	THV.C 07083	Đình Thị Phương Thúy	02/08/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	602	3.00	0.50	3.00	6.50	6.50	
1106	THV.C 07084	Nguyễn Thị Thuỷ	09/08/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	4.00	0.25	0.75	5.00	5.00	
1107	THV.C 07085	Hà Thị Thuỷ	19/08/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	4.00	2.50	1.00	7.50	7.50	
1108	THV.C 07086	Phùng Thị Thuỷ	04/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	602	5.50	4.00	5.25	14.75	15.00	
1109	THV.C 07087	Hoàng Thị Thanh Thúy	10/09/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1		2.50	1.75	2.25	6.50	6.50	
1110	THV.C 07090	Nguyễn Thị Thuỷ	12/08/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	602	3.50	1.00	5.00	9.50	9.50	
1111	THV.C 07092	Nguyễn Thị Thuỷ	26/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	4.50	1.25	4.50	10.25	10.50	
1112	THV.C 07093	Hoàng Thị Thuỷ	12/08/84	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	602	4.00	4.00	4.50	12.50	12.50	
1113	THV.C 07095	Nguyễn Thị Thuỷ	18/07/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		5.00	0.25	4.25	9.50	9.50	
1114	THV.C 07096	Tạ Thị Thuỷ	13/05/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		5.00	0.75	4.25	10.00	10.00	
1115	THV.C 07097	Hà Thị Thu Thuỷ	17/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	904	4.50	2.25	4.50	11.25	11.50	
1116	THV.C 07099	Kiều Thu Thuỷ	17/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	602	4.00	1.50	4.00	9.50	9.50	
1117	THV.C 07100	Hà Thị Thanh Thúy	03/11/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1		3.50	0.25	4.50	8.25	8.50	
1118	THV.C 07101	Lê Thị Thuỷ	19/12/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	5.50	6.75	5.00	17.25	17.50	
1119	THV.C 07104	Triệu Văn Thuỷ	09/12/91		Huyện Lục Yên	01	1	904	4.00	3.50	6.00	13.50	13.50	
1120	THV.C 07105	Trần Thị Thuỷ	11/10/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	5.00	3.00	5.25	13.25	13.50	
1121	THV.C 07106	Vì Văn Thuỷ	08/10/90		Huyện Bắc Quang	01	1		3.50	1.75	3.75	9.00	9.00	
1122	THV.C 07108	Mai Thị Thanh Thuỷ	03/04/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	602	3.00	0.50	5.25	8.75	9.00	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1123	THV.C07109	Khuất Thị Thư	23/03/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1		4.00	0.75	3.50	8.25	8.50	
1124	THV.C07110	Hoàng Thị Minh	28/08/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê	06	1	602	5.00	3.50	4.50	13.00	13.00	
1125	THV.C07111	Lý Thị Thư	10/02/91	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	602	4.50	3.50	5.50	13.50	13.50	
1126	THV.C07112	Đặng Thị Hoài	01/10/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	4.50	7.00	6.75	18.25	18.50	
1127	THV.C07115	Hoàng Thị Thương	16/09/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	4.50	0.50	5.00	10.00	10.00	
1128	THV.C07116	Phùng Thị Thương	26/03/91	Nữ	Huyện Tam Dương		1	602	4.50	1.50	4.25	10.25	10.50	
1129	THV.C07117	Nguyễn Thị Thương	20/12/91	Nữ	Huyện Quốc Oai		2NT	602	3.50	2.75	5.50	11.75	12.00	
1130	THV.C07118	Trần Ngọc Thương	06/07/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	6.00	4.00	5.25	15.25	15.50	
1131	THV.C07120	Nguyễn Thị Ngọc Thương	01/01/89	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	4.50	4.50	4.75	13.75	14.00	
1132	THV.C07121	Nguyễn Mạnh Thương	22/09/89		Huyện Yên Lập	01	1	602	3.00	4.25	5.00	12.25	12.50	
1133	THV.C07124	Bùi Thị Thường	11/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		5.00	0.75	3.75	9.50	9.50	
1134	THV.C07125	Nguyễn Thanh Thứ	07/10/90		Huyện Trấn Yên	01	1	602	4.00	4.50	3.00	11.50	11.50	
1135	THV.C07126	Phan Văn Thực	01/07/91		Huyện Vị Xuyên	01	1	602	3.00	4.75	5.75	13.50	13.50	
1136	THV.C07128	Vi Thị Tiên	25/09/91	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1	602	4.50	0.50	3.00	8.00	8.00	
1137	THV.C07129	Nguyễn Thị Tiên	06/09/91	Nữ	Thị xã Hà Giang	01	1	904	3.50	1.00	4.00	8.50	8.50	
1138	THV.C07131	Nguyễn Tiến	01/09/90		Huyện Hạ Hoà		1	605	3.50	0.50	4.75	8.75	9.00	
1139	THV.C07132	Đinh Thị Tiến	04/01/89	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	602	4.00	1.00	2.50	7.50	7.50	
1140	THV.C07133	Hoàng Thị Tiệm	19/01/90	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	602	5.50	0.50	4.50	10.50	10.50	
1141	THV.C07134	Phạm Khắc Tiếp	30/05/90		Huyện Thanh Sơn	06	1	602	3.00	4.50	7.00	14.50	14.50	
1142	THV.C07137	Hoàng Thị Ngọc Tình	19/11/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	602	4.00	5.50	6.50	16.00	16.00	
1143	THV.C07138	Hà Thị Tình	16/07/89	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	904	3.50	0.25	3.50	7.25	7.50	
1144	THV.C07139	Hoàng Thị Tình	11/02/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		4.50	8.50	6.00	19.00	19.00	
1145	THV.C07141	Nguyễn Thị Tình	18/04/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	602	4.50	1.00	4.00	9.50	9.50	
1146	THV.C07142	Nguyễn Thị Tịnh	21/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	602	4.50	4.75	7.25	16.50	16.50	
1147	THV.C07143	Lê Thị Toán	07/11/90	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	904	6.00	6.00	6.50	18.50	18.50	
1148	THV.C07144	Nguyễn Thị Thanh Toán	26/06/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	602	7.00	8.00	8.25	23.25	23.50	
1149	THV.C07146	Nguyễn Thị Toàn	06/03/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	605	5.00	4.25	7.00	16.25	16.50	
1150	THV.C07148	Phạm Thị Toàn	06/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	4.50	1.00	4.00	9.50	9.50	
1151	THV.C07150	Nguyễn Sinh Tôn	18/05/91		TP. Việt Trì	06	2	602	3.00	0.25	4.25	7.50	7.50	
1152	THV.C07151	Lương Thị Trang	26/10/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	904	4.50	0.50	5.50	10.50	10.50	
1153	THV.C07152	Đặng Thị Trang	05/10/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	602	7.00	6.75	7.75	21.50	21.50	
1154	THV.C07153	Nguyễn Quỳnh Trang	01/09/90	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1		3.50	1.00	3.00	7.50	7.50	
1155	THV.C07154	Nguyễn Thuỳ Trang	25/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		7.50	2.50	7.25	17.25	17.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1156	THV.C07155	Hoàng Thị Minh Trang	19/06/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		5.50	2.00	3.50	11.00	11.00	
1157	THV.C07156	Nguyễn Kiều Trang	18/08/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	605	3.50	2.50	3.75	9.75	10.00	
1158	THV.C07157	Nguyễn Thị Huyền Trang	27/05/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	605	5.00	3.50	5.50	14.00	14.00	
1159	THV.C07158	Bùi Thị Như Trang	26/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	5.50	5.50	8.75	19.75	20.00	
1160	THV.C07159	Nguyễn Thị Trang	23/11/90	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		3.00	0.50	5.00	8.50	8.50	
1161	THV.C07160	Nguyễn Thị Huyền Trang	10/09/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	904	3.50	1.00	6.00	10.50	10.50	
1162	THV.C07162	Nguyễn Thị Kiều Trang	11/08/91	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2NT	602	4.00	5.25	6.25	15.50	15.50	
1163	THV.C07163	Hoàng Thị Thu Trang	12/03/91	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1		4.00	4.00	7.00	15.00	15.00	
1164	THV.C07165	Vi Thị Kiều Trang	02/08/86	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	904	5.50	6.75	3.25	15.50	15.50	
1165	THV.C07166	Đoàn Thị Thu Trang	28/04/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	904	5.50	1.50	7.25	14.25	14.50	
1166	THV.C07167	Phạm Thị Hồng Trang	01/08/86	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	602	4.50	2.50	5.25	12.25	12.50	
1167	THV.C07168	Hoàng Thị Trang	20/07/90	Nữ	Huyện Văn Yên		1	904	7.00	7.50	8.75	23.25	23.50	
1168	THV.C07169	Phan Thị Trang	03/11/90	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	904	1.50	0.25	.	1.75	2.00	
1169	THV.C07171	Nguyễn Thị Trang	10/01/87	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	6.00	6.75	7.00	19.75	20.00	
1170	THV.C07174	Lương Huyền Trang	19/12/90	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	904	2.50	1.00	.	3.50	3.50	
1171	THV.C07176	Phạm Thị Thuỳ Trang	12/05/89	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	602	4.50	6.25	5.75	16.50	16.50	
1172	THV.C07177	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	22/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	4.00	1.50	4.25	9.75	10.00	
1173	THV.C07178	Đỗ Thị Mai Trang	03/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		4.50	1.75	5.25	11.50	11.50	
1174	THV.C07179	Trần Thị Thu Trang	20/10/91	Nữ	Quận Hai		2NT	904	4.50	3.50	6.50	14.50	14.50	
1175	THV.C07184	Trịnh Thị Trang	24/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	904	6.00	0.50	6.75	13.25	13.50	
1176	THV.C07185	Vi Thị Thu Trang	24/07/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		4.50	0.00	4.00	8.50	8.50	
1177	THV.C07187	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	20/10/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	6.00	7.25	7.50	20.75	21.00	
1178	THV.C07188	Nguyễn Thị Huyền Trang	11/12/91	Nữ	Huyện Kim Bôi		1	602	6.50	7.50	7.00	21.00	21.00	
1179	THV.C07189	Hà Thị Huyền Trang	21/06/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	602	5.50	5.25	6.25	17.00	17.00	
1180	THV.C07190	Phạm Thị Trang	21/01/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	602	4.50	0.50	5.75	10.75	11.00	
1181	THV.C07191	Nguyễn Thị Thanh Trang	28/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	5.00	1.50	5.25	11.75	12.00	
1182	THV.C07192	Phạm Quỳnh Trang	20/06/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	605	4.00	0.75	2.75	7.50	7.50	
1183	THV.C07193	Đỗ Thu Trang	06/04/91	Nữ	Huyện Thanh Ba	06	1	605	4.00	0.50	4.75	9.25	9.50	
1184	THV.C07195	Trương Thị Trang	20/02/89	Nữ	Huyện Tam Đảo	01	1	602	4.50	7.50	6.50	18.50	18.50	
1185	THV.C07202	Nguyễn Thị Trang	18/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	5.50	1.75	6.00	13.25	13.50	
1186	THV.C07203	Trần Thu Trang	03/11/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		5.00	0.50	4.75	10.25	10.50	
1187	THV.C07205	Hoàng Thị Thùy Trang	16/03/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	904	3.50	1.00	3.50	8.00	8.00	
1188	THV.C07206	Phạm Thị Thu Trang	14/05/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	602	4.00	0.50	6.25	10.75	11.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1189	THV.C 07208	Đình Thị Huyền	Trang	06/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	6.00	1.50	6.75	14.25	14.50	
1190	THV.C 07209	Nguyễn Thị	Trang	04/02/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	3.00	0.50	4.00	7.50	7.50
1191	THV.C 07210	Phùng Thị Thuý	Trang	04/02/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	602	3.50	2.50	7.50	13.50	13.50
1192	THV.C 07211	Phạm Thị Thu	Trang	12/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	904	3.50	0.50	4.50	8.50	8.50
1193	THV.C 07212	Nguyễn Thị Thanh	Trà	10/12/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	605	3.50	0.50	3.50	7.50	7.50
1194	THV.C 07215	Đình Thị	Trình	23/04/91	Nữ	Huyện Thạch Thất	01	1	904	3.50	1.00	5.25	9.75	10.00
1195	THV.C 07216	Phùng Thị	Trình	26/09/89	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1		2.50	0.50	3.75	6.75	7.00
1196	THV.C 07217	Đặng Công	Trọng	13/05/91		Huyện Thanh Ba		1		5.50	1.50	6.75	13.75	14.00
1197	THV.C 07219	Nguyễn Ngọc	Trung	09/01/90		Huyện Hạ Hoà		1	602	3.50	6.00	5.75	15.25	15.50
1198	THV.C 07220	Hà Bảo	Trung	16/08/88		Huyện Tân Sơn	01	1	602	2.50	1.75	2.75	7.00	7.00
1199	THV.C 07222	Lê Mạnh	Trường	25/12/91		Thị xã Phú Thọ		1	602	5.00	0.50	4.75	10.25	10.50
1200	THV.C 07227	Chu Thanh	Tuấn	05/07/90		Thị xã Tuyên Quang	01	1		1.50	0.50	1.75	3.75	4.00
1201	THV.C 07228	Lại Lê Anh	Tuấn	23/11/90		Huyện Thanh Ba		1	904	2.00	1.00	5.00	8.00	8.00
1202	THV.C 07229	Thăng Văn	Tuấn	05/06/91		Huyện Tam Đảo	01	1	904	5.00	0.75	4.75	10.50	10.50
1203	THV.C 07230	Lương Anh	Tuấn	20/08/91		Huyện Yên Bình		1	904	2.00	1.75	4.75	8.50	8.50
1204	THV.C 07231	Hoàng Quốc	Tuấn	10/09/87		Huyện Yên Lập	03	1	602	3.50	5.00	5.50	14.00	14.00
1205	THV.C 07232	Nguyễn Anh	Tuấn	02/05/90		Huyện Sơn Dương		1		0.50	0.25	0.75	1.50	1.50
1206	THV.C 07233	Phùng Thị Bích	Tuấn	16/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	602	4.00	1.50	4.00	9.50	9.50
1207	THV.C 07235	Hoàng Thị	Tuy	21/11/91	Nữ	Huyện Hoàng Su Phì	01	1		2.00	0.25	0.50	2.75	3.00
1208	THV.C 07237	Nguyễn Thị Minh	Tuyển	04/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	904	5.00	2.00	6.00	13.00	13.00
1209	THV.C 07238	Phan Thị	Tuyển	20/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	4.50	6.00	6.25	16.75	17.00
1210	THV.C 07240	Nguyễn Thị	Tuyển	12/11/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	602	5.00	2.75	4.25	12.00	12.00
1211	THV.C 07241	Phùng Thị Hồng	Tuyển	29/11/88	Nữ	Huyện Cẩm Khê	06	2NT	602	3.50	2.00	3.50	9.00	9.00
1212	THV.C 07242	Đỗ Thị Kim	Tuyển	17/01/91	Nữ	Huyện Sơn Dương	06	1		5.00	0.25	2.00	7.25	7.50
1213	THV.C 07243	Hoàng Thị Kim	Tuyển	01/06/90	Nữ	Huyện Ba Vì	06	1	904	5.50	6.50	5.50	17.50	17.50
1214	THV.C 07245	Trần Thị Kim	Tuyển	20/10/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	605	6.00	1.50	5.25	12.75	13.00
1215	THV.C 07246	Nguyễn Thị Kim	Tuyển	02/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		3.50	0.25	5.00	8.75	9.00
1216	THV.C 07247	Trần Thị	Tuyết	09/09/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	605	5.00	0.75	2.00	7.75	8.00
1217	THV.C 07249	Nguyễn Thị	Tuyết	20/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	4.00	1.75	4.25	10.00	10.00
1218	THV.C 07250	Đình Thị	Tuyết	01/06/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	5.00	1.00	3.25	9.25	9.50
1219	THV.C 07251	Nguyễn Thị	Tuyết	26/02/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	602	2.00	0.25	2.75	5.00	5.00
1220	THV.C 07252	Lê Thị	Tuyết	22/11/90	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	605	4.50	3.00	5.50	13.00	13.00
1221	THV.C 07253	Đình Thị	Tuyết	22/02/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	904	4.00	0.00	4.75	8.75	9.00

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1222	THV.C 07254	Nguyễn Thị	ánh	03/07/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2	602	6.50	3.00	5.75	15.25	15.50	
1223	THV.C 07255	Trịnh Thị	Thuyết	15/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	605	5.00	3.25	4.25	12.50	12.50	
1224	THV.C 07257	Lương Bạch	Tuyết	17/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	904	5.00	0.75	5.50	11.25	11.50	
1225	THV.C 07258	Hà Quốc	Tuyển	10/11/87		Huyện Tân Sơn	01	1	605	3.50	0.75	4.75	9.00	9.00	
1226	THV.C 07259	Đình Văn	Tuyển	19/11/89		Huyện Thanh Sơn	01	1	602	5.00	3.50	6.00	14.50	14.50	
1227	THV.C 07262	Hoàng Thị	Tuyết	08/12/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		5.50	2.50	1.25	9.25	9.50	
1228	THV.C 07266	Trần Thị	Tuyển	13/05/90	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	602	4.00	0.75	3.75	8.50	8.50	
1229	THV.C 07267	Nguyễn Văn	Tú	10/10/90		Huyện Cẩm Khê		1	605	4.50	1.25	4.25	10.00	10.00	
1230	THV.C 07271	Trần Sơn	Tùng	07/10/91		Huyện Thanh Sơn		1		2.00	0.25	3.50	5.75	6.00	
1231	THV.C 07272	Lương Thanh	Tùng	07/07/91		Huyện Thường Xuân	01	1		4.50	0.50	6.50	11.50	11.50	
1232	THV.C 07273	Đình Thanh	Tùng	27/09/91		Huyện Thanh Sơn	01	1	602	4.00	5.00	6.00	15.00	15.00	
1233	THV.C 07277	Lê Thị	Tụ	24/12/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	602	5.50	7.75	7.00	20.25	20.50	
1234	THV.C 07278	Hoàng Thị Hồng	Tư	07/03/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	2.00	1.00	1.50	4.50	4.50	
1235	THV.C 07279	Lương Khắc	Tư	05/01/90		Huyện Yên Bình		1		2.00	1.00	5.50	8.50	8.50	
1236	THV.C 07282	Phạm Thành	Tư	10/05/91		Huyện Tam Nông		1	605	4.00	2.00	4.50	10.50	10.50	
1237	THV.C 07284	Nguyễn Thị	Tư	07/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	5.00	0.50	5.25	10.75	11.00	
1238	THV.C 07285	Lưu Thị	Tư	05/09/91	Nữ	Huyện Tam Đảo	01	1	602	2.50	0.75	5.00	8.25	8.50	
1239	THV.C 07286	Nguyễn Thị	Tư	04/06/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	602	4.00	0.50	3.75	8.25	8.50	
1240	THV.C 07287	Khuất Thị	Tươi	25/12/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	904	3.50	2.50	5.00	11.00	11.00	
1241	THV.C 07289	Dương Thị	Tường	17/10/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	4.00	3.50	4.25	11.75	12.00	
1242	THV.C 07290	Đình Văn	Tứ	21/04/91		Huyện Thanh Sơn	01	1	602	2.00	2.00	3.50	7.50	7.50	
1243	THV.C 07291	Hà Văn	Tỵ	08/03/89		Huyện Thanh Sơn	01	1	904	3.50	2.50	5.75	11.75	12.00	
1244	THV.C 07292	Nguyễn Văn	Uán	12/06/91		Huyện Văn Yên		1	602	3.50	4.00	5.25	12.75	13.00	
1245	THV.C 07293	Vũ Thị	Uyên	22/12/88	Nữ	TP. Việt Trì		2	602	4.50	1.50	2.25	8.25	8.50	
1246	THV.C 07295	Trần Thị	Uyên	01/07/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		3.50	0.25	3.25	7.00	7.00	
1247	THV.C 07297	Lâm Thị Tố	Uyên	19/03/91	Nữ	Huyện Mù Cang Chải		1	605	5.00	0.25	1.75	7.00	7.00	
1248	THV.C 07298	Nguyễn Thị	út	07/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	6.00	6.00	6.75	18.75	19.00	
1249	THV.C 07299	Nguyễn Thị	út	14/10/90	Nữ	Huyện Phù Ninh	06	2NT	904	6.50	3.00	5.75	15.25	15.50	
1250	THV.C 07300	Hà Thị	Vàng	14/10/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	904	4.00	1.00	1.75	6.75	7.00	
1251	THV.C 07303	Trần Thị Hồng	Vân	01/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		6.00	3.25	6.50	15.75	16.00	
1252	THV.C 07304	Hoàng Thị	Vân	06/08/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	904	6.50	4.50	7.50	18.50	18.50	
1253	THV.C 07306	Trần Thị	Vân	12/07/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	904	4.50	1.50	3.00	9.00	9.00	
1254	THV.C 07307	Nguyễn Thị Thu	Vân	18/06/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	602	4.50	6.50	7.50	18.50	18.50	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1255	THV.C 07308	Nguyễn Thị Vân	18/12/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	602	5.00	3.50	4.25	12.75	13.00	
1256	THV.C 07309	Hoàng Thanh Vân	06/12/90	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	904	4.00	1.50	1.75	7.25	7.50	
1257	THV.C 07310	Nguyễn Thị Vân	13/03/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	904	4.50	2.75	6.50	13.75	14.00	
1258	THV.C 07311	Lê Thị Vân	04/10/90	Nữ	Huyện Văn Yên		1	602	5.00	4.00	5.00	14.00	14.00	
1259	THV.C 07312	Trần Thị Vân	11/09/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	602	5.50	1.50	6.50	13.50	13.50	
1260	THV.C 07313	Nguyễn Thị Vân	01/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	904	4.00	0.50	2.00	6.50	6.50	
1261	THV.C 07314	Nguyễn Thị Hồng Vân	02/09/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	6.00	0.50	3.50	10.00	10.00	
1262	THV.C 07315	Nguyễn Thị Thùy Vân	28/06/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	605	6.50	2.25	3.00	11.75	12.00	
1263	THV.C 07317	Nguyễn Thị Thuý Vân	22/12/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	6.50	5.00	6.75	18.25	18.50	
1264	THV.C 07322	Lê Quang Văn	11/02/90		Thị xã Phú Thọ		2	605	0.00		6.75	6.75	7.00	
1265	THV.C 07323	Trần Anh Văn	27/10/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	904	6.00	4.75		10.75	11.00	
1266	THV.C 07324	Đỗ Anh Văn	08/04/91		Huyện Tam Nông		1	605	4.50	0.50	3.25	8.25	8.50	
1267	THV.C 07326	Nguyễn Thị Vẻ	09/10/89	Nữ	Huyện Quán Bạ	01	1	602	4.00	0.50	1.75	6.25	6.50	
1268	THV.C 07327	Phan Thị Viên	01/06/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	605	4.00	1.00	4.25	9.25	9.50	
1269	THV.C 07328	Đình Thị Thu Viên	25/01/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy	01	1	602	6.00	1.00	4.50	11.50	11.50	
1270	THV.C 07329	Đình Thị Viết	12/06/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	904	5.50	2.50	4.75	12.75	13.00	
1271	THV.C 07332	Lê Thị Việt	03/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.00	2.00	5.00	10.00	10.00	
1272	THV.C 07333	Nguyễn Quốc Việt	23/10/90		Huyện Thanh Ba		2		4.00	1.00	4.25	9.25	9.50	
1273	THV.C 07334	Hoàng Văn Vinh	22/05/91		Huyện Lập Thạch		1	904	4.50	2.00	5.75	12.25	12.50	
1274	THV.C 07335	Nguyễn Thị Vinh	26/05/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	602	4.00	1.00	1.75	6.75	7.00	
1275	THV.C 07336	Nguyễn Quang Vinh	13/11/90		Huyện Phú Xuyên	06	2NT	602	5.00	3.00	4.75	12.75	13.00	
1276	THV.C 07337	Đoàn Quang Vinh	02/09/91		Huyện Thanh Sơn		1	605	3.00	0.75	2.00	5.75	6.00	
1277	THV.C 07338	Nguyễn Thị Vinh	01/01/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	5.50	1.25	3.50	10.25	10.50	
1278	THV.C 07339	Nguyễn Quang Vinh	01/02/90		Huyện Trấn Yên		1	602	4.00	4.00	5.25	13.25	13.50	
1279	THV.C 07341	Nguyễn Quang Vinh	04/09/90		Huyện Yên Lạc		2NT	602	6.00	7.00	5.00	18.00	18.00	
1280	THV.C 07342	Đỗ Thị Vui	01/07/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	904	4.00	1.75	7.00	12.75	13.00	
1281	THV.C 07343	Phạm Thị Thu Vui	05/12/89	Nữ	Huyện Kim Sơn		2NT		4.00	6.00	5.50	15.50	15.50	
1282	THV.C 07344	Hoàng Văn Vũ	09/02/87		TP. Việt Trì		2	605	4.00	4.00	5.00	13.00	13.00	
1283	THV.C 07345	Ngô Tuấn Vũ	10/02/91		Thị xã Phú Thọ		2	605	4.00	1.00	4.75	9.75	10.00	
1284	THV.C 07346	Doãn Đình Vương	19/09/91		Huyện Lập Thạch		1	904	5.50	4.50	5.75	15.75	16.00	
1285	THV.C 07353	Đặng Thanh Xuân	02/03/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	605	6.00	3.50	6.75	16.25	16.50	
1286	THV.C 07354	Vũ Thị Xuân	16/12/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên	06	2	602	4.50	2.00	2.00	8.50	8.50	
1287	THV.C 07356	La Thị Thanh Xuân	29/09/90	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	904	3.50	4.75	4.25	12.50	12.50	

THV C Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1288	THV.C 07357	Nguyễn Thị Xuân	03/11/90	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	605	5.50	2.50	4.00	12.00	12.00	
1289	THV.C 07359	Nguyễn Thị Xuân	10/08/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	602	2.50	1.00	4.75	8.25	8.50	
1290	THV.C 07361	Vũ Thị Xuân	20/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	605	2.50	0.25	3.00	5.75	6.00	
1291	THV.C 07362	Trần Thị Thanh Xuân	04/03/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	904	4.00	3.00	6.00	13.00	13.00	
1292	THV.C 07363	Nguyễn Thị Xuân	09/12/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	602	2.50	1.50	2.25	6.25	6.50	
1293	THV.C 07364	Mai Thị Xuân	18/01/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	3.50	0.25	1.50	5.25	5.50	
1294	THV.C 07365	Nguyễn Thị Thanh Xuân	14/04/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	904	4.50	3.00	5.75	13.25	13.50	
1295	THV.C 07366	Vi Thị Xuyên	04/07/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	904	4.50	2.50	6.25	13.25	13.50	
1296	THV.C 07368	Hoàng Thị Kim Xuyên	07/06/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	904	3.00	3.00	6.00	12.00	12.00	
1297	THV.C 07369	Nguyễn Thị Xuyên	25/07/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	605	5.00	3.00	5.00	13.00	13.00	
1298	THV.C 07370	Tao Văn Yên	11/10/90		Huyện Bát Xát	01	1	602	4.00	4.00	5.75	13.75	14.00	
1299	THV.C 07371	Nguyễn Thị Yên	13/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	4.50	0.00	1.00	5.50	5.50	
1300	THV.C 07372	Bùi Thị Yên	19/09/91	Nữ	Quận Hai		2NT	904	6.00	3.00	2.25	11.25	11.50	
1301	THV.C 07373	Đặng Thị Yến	03/01/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	904	2.50	0.50	2.25	5.25	5.50	
1302	THV.C 07374	Vũ Hải Yến	21/02/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	602	5.50	1.75	3.25	10.50	10.50	
1303	THV.C 07375	Hà Thị Hải Yến	01/03/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		5.00	4.50	6.50	16.00	16.00	
1304	THV.C 07376	Vũ Hải Yến	21/03/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	904	5.00	4.50	7.25	16.75	17.00	
1305	THV.C 07379	Lương Thị Hải Yến	26/09/90	Nữ	Huyện Phú Xuyên		2NT	602	5.00	6.50	6.50	18.00	18.00	
1306	THV.C 07382	Nguyễn Thị Yến	20/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	602	4.00	1.00	4.50	9.50	9.50	
1307	THV.C 07384	Trần Thị Ngọc Yến	28/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	605	6.00	4.25	8.50	18.75	19.00	
1308	THV.C 07386	Phạm Thị Yến	06/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		3.50	0.50	4.25	8.25	8.50	
1309	THV.C 07387	Hoàng Thị Yến	27/06/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	904	2.50	6.50	5.75	14.75	15.00	
1310	THV.C 07388	Đặng Thị Yến	26/10/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT		4.00	0.50	4.00	8.50	8.50	
1311	THV.C 07390	Bùi Thị Yến	24/04/91	Nữ	Huyện Kim Bôi	01	1	904	4.00	0.50	6.25	10.75	11.00	
1312	THV.C 07391	Hoàng Thị Yến	22/06/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	904	4.00	0.50	5.00	9.50	9.50	
1313	THV.C 07393	Hoàng Minh Yến	06/06/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	904	5.00	2.00	6.00	13.00	13.00	
1314	THV.C 07394	Nguyễn Thị Yến	26/08/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	602	4.00	0.50	3.00	7.50	7.50	
1315	THV.C 07395	Hà Thị Yến	04/02/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	602	4.50	1.00	3.00	8.50	8.50	
1316	THV.C 07397	Đinh Ngọc Yến	21/03/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	904	4.50	3.00	5.50	13.00	13.00	
1317	THV.C 07398	Hà Hải Yến	12/06/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	904	2.50	2.50	2.50	7.50	7.50	
1318	THV.C 07399	Đỗ Thị Yến	13/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	605	4.50	5.00	4.50	14.00	14.00	
1319	THV.C 07400	Nguyễn Thị Yến	26/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	602	3.00	0.50	1.25	4.75	5.00	
1320	THV.C 07402	Nguyễn Thị Minh Yến	25/10/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	904	4.00	0.50	1.50	6.00	6.00	

<i>STT</i>	<i>Số Báo Danh</i>	<i>Họ và Tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>Phái</i>	<i>Hộ khẩu</i>	<i>ĐT</i>	<i>KV</i>	<i>NG</i>	<i>ĐM1</i>	<i>ĐM2</i>	<i>ĐM3</i>	<i>ĐTC0</i>	<i>ĐTC</i>	<i>Ghi chú</i>
1321	THV.C 07403	Hà Thị Kim Yến	16/10/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	602	2.00	1.50	2.00	5.50	5.50	

Danh sách khối C gồm: 1321 thí sinh